



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1311 /XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2017 của
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
 2. Mã chứng khoán : PVX
 3. Trụ sở chính : Tầng 25, Toà nhà CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Đình 1, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 4. Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thu Hoài
 6. Địa chỉ thường trú: P 2004, Nhà B, Chung cư Tổng công ty 789, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
 7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
 8. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.
 9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://pvc.vn>
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PVC (b/c);
- TGD PVC (b/c);
- Ban TCHC;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Ngô Thị Thu Hoài

THÔNG TIN CHUNG

*** Tên công ty bằng tiếng Việt:**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

*** Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:**

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

*** Tên công ty viết tắt: PVC**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng

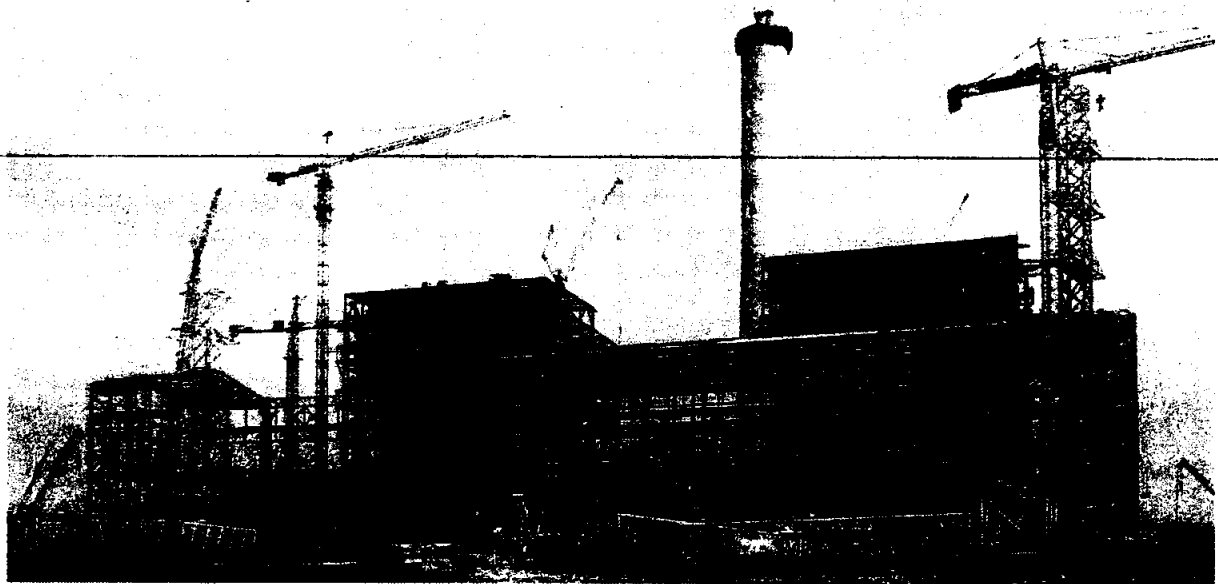
* **Địa chỉ:** Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* **Số điện thoại:** 043.7689291

* **Số fax:** 043.7689290

* **Website:** www.pvc.vn

* **Mã cổ phiếu:** PVX



1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 35 năm qua, PVC nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- 14/9/1983, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi để cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hố chôn bùn khoan.

- 19/9/1995, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- 1/4/2006, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- 26/10/2007, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- 19/8/2008, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 2010, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- 1/2013, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

Trải qua 35 năm hình thành và phát triển, PVC đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, , Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PVC.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PVC đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PVC tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực Thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PVC thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PVC không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm Dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị Dầu khí...

PVC còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PVC có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Tòa nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PVC là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PVC trong 34 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PVC còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

c. Xây dựng dân dụng

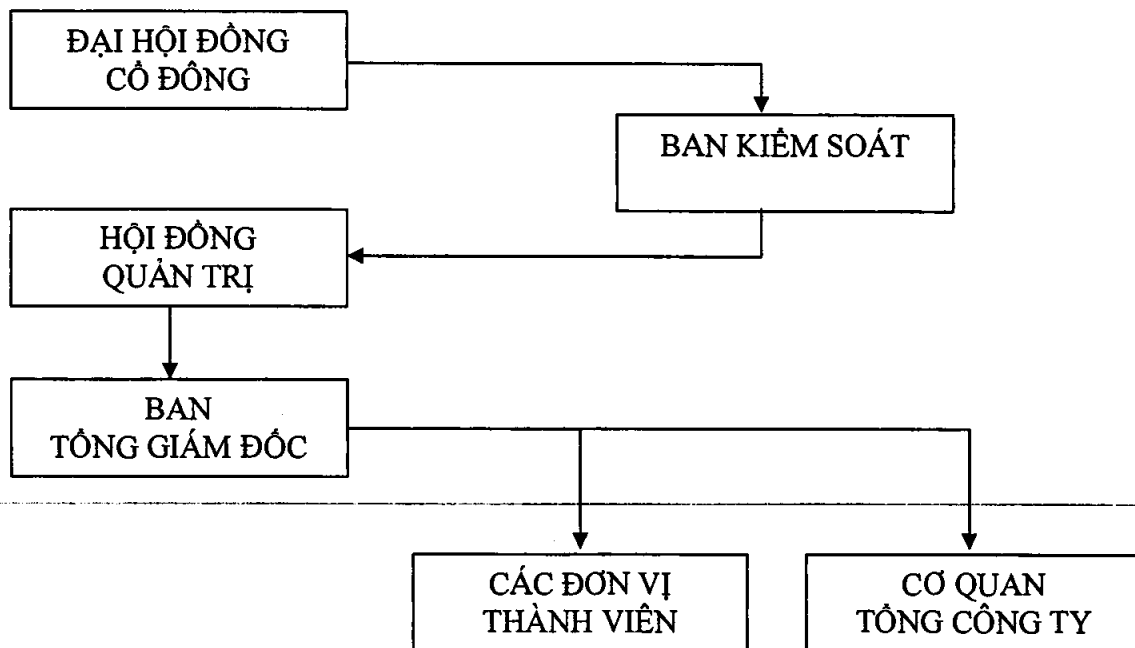
PVC đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PVC còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PVC chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Các công ty con, công ty liên kết:

I	Các công ty con	
1	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	
3	Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	
4	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	
5	Công ty CP Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí PVC (PVC - Petroland JSC)	
6	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC Đông Đô JSC)	
7	Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCLand)	
8	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	
9	Công ty CP ĐT&XD Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	
II	Công ty liên kết	
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	
2	Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	
3	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	
4	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	
6	Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	
7	Công ty CP thiết kế quốc tế Heerim PVC	
8	Công ty CP liên minh Dầu khí (Petrolink)	
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC - ID)	
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	
III	Công ty đầu tư khác	
1	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	
2	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC Trường Sơn	
3	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC Metal)	
4	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	
5	Công ty Cổ phần bất động sản Dầu khí Petrowaco	
6	Công ty CP xi măng Hạ Long	
7	Công ty CP vật liệu xây dựng và xây lắp Dầu khí 4	
8	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	
9	Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO	

4. Định hướng phát triển

- Xây dựng PVC trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật cao thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình Dầu khí trên bờ.
- Tái cơ cấu để PVC tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững, đảm bảo thực hiện thắng lợi.

5. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2018

Bên cạnh những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại năm 2017, Tổng công ty cũng đã nhận diện được một số rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, tóm tắt như sau:

- Do tình hình tài chính khó khăn dẫn đến PVC gặp trở ngại trong việc thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn;
- Hợp đồng EPC thi công NMNĐ Thái Bình 2 mặc dù đã ký được các phụ lục số 26, 27 để điều chỉnh giá, tiến độ. Tuy nhiên, công tác lập và bảo vệ tổng dự toán, đàm phán các phụ lục tiếp theo với Chủ đầu tư để điều chỉnh Hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 còn tiềm ẩn các rủi ro;
- Các phát sinh tại Dự án NMNĐ Vũng Áng, Dự án Nhà máy Xơ sợi PVTex Đình Vũ, Dự án Nhà máy Nhiên liệu sinh học Ethanol Phú Thọ không được phê duyệt hoặc phê duyệt không đủ, cũng như việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan quản lý nhà nước (Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước) liên quan đến các dự án này sẽ ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC trong năm 2018 và các năm tiếp theo.
- PVC tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị.
- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PVC từ các khoản đầu tư tài chính khi thoái vốn theo yêu cầu về tái cơ cấu.
- PVC tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong năm 2018 và các năm tiếp theo.
- Công tác quyết toán thuế từ năm 2008 đến nay: PVC chưa được cơ quan thuế thực hiện thanh tra, quyết toán, do đó có thể phát sinh các khoản thuế không được khấu trừ, chi phí không được trừ khi kiểm tra, quyết toán.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 trong bối cảnh có nhiều khó khăn từ những diễn biến phức tạp của nền kinh tế trong và ngoài nước. Khái quát những thuận lợi, khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2017 như sau:

- Thuận lợi:
 - PVC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, đặc biệt tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2. Bên cạnh đó, PVC cũng nhận được nhiều sự hỗ trợ của các Bộ/ngành, các đối tác để có thể thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.
 - Đảng uỷ, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã đề ra các định hướng, chỉ đạo đúng đắn cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CBCNV trong Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Khó khăn:
 - Trong năm 2017, Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) dừng thực hiện Nghị quyết 233/NQ-ĐU về việc “phát huy nội lực và ưu tiên sử dụng các dịch vụ của các đơn vị thành viên Tập đoàn”, công tác tìm kiếm nguồn công việc mới trong ngành của Tổng công ty phải tuân theo các quy định của Luật đấu thầu.
 - Nhiều đơn vị thành viên của PVC hoạt động SXKD thua lỗ, không đủ điều kiện tham dự thầu nhiều công trình/dự án; nguồn việc chủ yếu phụ thuộc vào các dự án được Tổng công ty giao.
 - PVC và các đơn vị phải đối mặt với nhiều khó khăn trong vấn đề tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng ngân hàng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.
 - Thị trường bất động sản tuy có khởi sắc nhưng chưa rõ nét, các dự án chủ yếu đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư/dừng thực hiện đầu tư và hầu hết vị trí các dự án đầu tư của PVC/đơn vị thành viên ở các khu vực chưa thực sự thuận lợi để thu hút đầu tư.
 - Bên cạnh đó, việc các cơ quan pháp luật thực hiện công tác điều tra, thanh tra, khởi tố làm ảnh hưởng đến tâm lý CBCNV toàn Tổng công ty. Ngoài ra, khi PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC ngày càng gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.

Trước những thuận lợi và thách thức như trên toàn tổ hợp PVC đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 và đạt được kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như sau:

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 4.355,36 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm và bằng 39% so với năm 2016; Riêng Công ty mẹ thực hiện 2.839,08 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm và bằng 32% so với năm 2016.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 3.899,59 tỷ đồng, đạt 11% kế hoạch năm và bằng 42% so với năm 2016; Riêng Công ty mẹ thực hiện 2.226,29 tỷ đồng đạt 111% kế hoạch năm và bằng 31% so với năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 415,26 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 367,07 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 416,32 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 365,90 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2017 là 824,05 tỷ đồng, giảm 30% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016. Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2017 là 3.253,41 tỷ đồng.

1. Công tác triển khai thi công các công trình/ dự án trọng điểm

Trong năm 2017, Tổng công ty chủ yếu triển khai thực hiện các công trình trọng điểm như: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, công trình Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và một số nhỏ các công trình/dự án được các đơn vị thành viên như PVC-MS, PVC-PT, PVC-Mekong, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:
 - + Tiến độ tổng thể của Hợp đồng EPC Thái Bình đến thời điểm 31/12/2017 đạt 81,24%. Đến thời điểm 31/3/2018, dự án đạt 81,62% tổng tiến độ.
- Tại dự án, Tổng công ty đã nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, cụ thể Tập đoàn đã thành lập Ban chỉ đạo đặc biệt về dự án NMNĐ Thái Bình 2 nhằm đẩy nhanh tiến độ và đưa vào vận hành dự án trong thời gian sớm nhất.
- Hoàn thành ký Phụ lục bổ sung số 26, 27 Hợp đồng EPC điều chỉnh giá trị hợp đồng, điều chỉnh tiến độ dự án và điều chỉnh một số nội dung tạm thanh toán. Theo đó, giá trị Hợp đồng EPC được điều chỉnh từ 1,2 tỷ USD lên 1,47 tỷ USD và tiến độ vận hành thương mại Tổ máy 1: ngày 31/12/2018; Tổ máy 2: ngày 31/3/2019. Ngày 18/7/2017, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg cho dự án NMNĐ Thái Bình 2 tại văn bản số 6412/BCT-TCNL.
- Thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức, thành lập Ban dự án và các Bộ phận giúp việc Giám đốc dự án bao gồm Lãnh đạo Tổng công ty và Trưởng/Phó các Ban chuyên môn làm việc trực tiếp tại dự án để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trên công trường.
- Hoàn thành công tác rà soát về hiệu quả dự án và đã báo cáo Tập đoàn tại văn bản số 1011/XLDK-HĐQT ngày 23/11/2017.

Tuy nhiên, tại dự án gặp một số khó khăn, vướng mắc như: (i) Từ tháng 3/2017 đến tháng 10/2017, dự án thiếu hụt dòng tiền thanh toán cho các nhà thầu phụ dẫn đến công tác thi công tại dự án trong giai đoạn này cầm chừng, ảnh hưởng

đến tiến độ của dự án; (i) Một số gói thầu mua sắm do thủ tục đánh giá, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổng công ty/ Chủ đầu tư kéo dài, phát sinh xử lý tình huống đấu thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của hạng mục/công trình; (ii) Một số hạng mục đang triển khai nhưng bị chậm so với tiến độ như: Hạng mục cảng chính bị chậm do công tác giải phóng mặt bằng; Nhiều hạng mục đã hoàn thiện thiết kế nhưng chưa triển khai do vướng mặt bằng thi công như: hạng mục NH3 cho CIS, hạng mục Piperack khu vực nhà máy chính; Công tác điều phối thi công, giao diện thi công giữa các hạng mục phức tạp, mặt bằng bố trí thi công chưa hợp lý do nhiều nhà thầu triển khai cùng lúc,... Hiện Tổng công ty và các nhà thầu đang tích cực triển khai thi công để nhằm rút ngắn khoảng cách về chậm tiến độ tại các hạng mục.

Hiện nay tổng thầu PVC đang phối hợp với tư vấn Worley Parson và các nhà thầu để thực hiện rà soát, đánh giá chi tiết kế hoạch công việc và cập nhật lại tiến độ triển khai của dự án.

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2017 đã hoàn thành công tác thi công gói thầu xử lý nền. Tiếp tục thi công tại các hạng mục, tuy nhiên tiến độ thi công tại dự án chậm. Một số hạng mục thuộc phạm vi công việc của PVC đến nay vẫn chưa đủ điều kiện thi công do Chủ đầu tư/ Tổng thầu chậm phê duyệt và cung cấp hồ sơ thiết kế. Công tác nghiệm thu thanh toán tại dự án còn gặp nhiều khó khăn do Chủ đầu tư và Tổng thầu chưa thống nhất được phương thức thanh toán và điều chỉnh giá tại dự án.

2. Công tác tái cơ cấu

❖ Công tác kiện toàn tổ chức quản lý công ty Mẹ

- Trong năm 2017, Tổng công ty đã hoàn thành sửa đổi/bổ sung/xây dựng 10 quy trình/quy chế/quy định nội bộ của Tổng công ty; Thực hiện sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 15/12/2017; Phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, quy định chức năng/nhiệm vụ của các Ban chức năng Tổng công ty, Quy chế tổ chức, hoạt động và phân cấp quản lý đối với Ban điều hành các dự án nhằm đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của PVC, các quy định Pháp luật hiện hành.
- Tổng công ty đã triển khai điều động cán bộ công nhân viên tại các Ban chuyên môn tới các Ban ĐHDA/CNPB của Tổng công ty, góp phần giảm nhân sự gián tiếp tại Công ty mẹ và tăng cường nhân lực cho các Ban điều hành, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.
- Được sự chấp thuận của Tập đoàn về phương án sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức của Công ty mẹ PVC, tháng 02/2018 PVC đã hoàn thành sáp nhập 07 Ban chuyên môn/Văn phòng xuống còn 04 Ban chuyên môn/Văn phòng, thực hiện chủ trương các Phó Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực kiêm nhiệm chức danh Trưởng các Ban chuyên môn.
- Năm 2017, PVC đã thực hiện kiện toàn công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PVC tại các đơn vị: PVC-Thái Bình, PVC-IC, PVC-Đồng Đô, PVCLand,

PVNC, PVC-ID, PVC-Kinh Bắc, Petrowaco, PVC-Metal, PVC-Petroland. Thực hiện thủ tục thôi cử Người đại diện tại các đơn vị đã thoái vốn toàn bộ: PVSD, Pacific.

❖ Công tác tái cơ cấu/ thoái vốn tại các đơn vị:

- Trong năm 2017, PVC đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn góp tại PVSD (thu về 30 tỷ đồng/ 30 tỷ đồng giá trị đầu tư) và thực hiện thoái một phần vốn góp tại PVC-ID (thu về 8,99 triệu đồng/ 7 triệu đồng giá trị đầu tư). Hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Pacific.
- Trong năm 2017, Tổng công ty và các đơn vị thành viên (PVC-SG, PVC-MT, PVC-Petroland) đã lựa chọn được nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại INT với giá 11.519 đồng/cổ phiếu. Đến thời điểm hiện đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty và các đơn vị thành viên tại INT.
- Tiếp tục triển khai các thủ tục để thoái vốn PVCLand. Xúc tiến, tìm kiếm đối tác và xây dựng phương án chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại Petrolink, PVC-Mekong và PVC-IC.
- Đối với công tác thoái vốn các dự án bất động sản tại các đơn vị. Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch thoái vốn các dự án bất động sản tại 09 công ty con và triển khai cho các đơn vị thực hiện. Trong năm 2017 đã đạt được một số kết quả nhất định như: PVC-Bình Sơn hoàn thành việc thoái vốn tại dự án Bất động sản số 1, đường 38, phường Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM thu về 136,2 tỷ đồng; PVC-IC đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án Chung cư Thanh Bình cho đối tác với giá trị trước thuế 97,26 tỷ đồng; PVC-MS đã hoàn thành chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất có diện tích 1.525,6m², tại Ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; PVC-Đông Đô đã hoàn thành công tác chuyển nhượng dự án Khu đô thị Dầu khí Đức Giang thu về 20 tỷ đồng/8,59 tỷ đồng giá trị đầu tư; PVC-Petroland tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để thu tiền chuyển nhượng cổ phần tại công ty Thăng Long.

❖ Công tác chuyển nhượng/chuyển giao các dự án:

- Hoàn thành công tác nhận bàn giao Xưởng cơ khí và Vật liệu Xây dựng tại Quảng Ngãi.
- Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp-Tiền Giang (Dự án): Tổ chức giao dự án Tập đoàn và Tổ chức giao dự án của tỉnh Tiền Giang đã thống nhất xác định giá trị chuyển giao là 343.568.327.513 đồng (trong đó bao gồm toàn bộ chi phí Tập đoàn/PVC đã trả cho Vinashin và chi phí PVC đã đầu tư). PVC đã thống nhất các nội dung về nguyên tắc chuyển giao dự án được nêu tại văn bản số 2253/FAX/ĐTPT ngày 21/11/2017 của Tập đoàn và báo cáo kiến nghị Tập đoàn về phương thức thanh toán các chi phí tại dự án giữa PVN và PVC tại văn bản số 1010/XLDK-HĐQT ngày 22/11/2017. Đến thời điểm hiện tại, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục nội bộ liên quan chuyển giao dự án.
- Đối với khu đất tại 8,2ha tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa: đã được Tập đoàn đồng ý giao Ban Quản lý Lọc hóa dầu Nghi Sơn tiếp nhận lại khu đất để trực tiếp quản lý, sử dụng. Hiện Chi nhánh phía Bắc/Tổng công ty đang

phối hợp làm việc với Ban Quản lý Lọc hóa dầu Nghi Sơn để thống nhất phương thức bàn giao toàn bộ hồ sơ và tài sản trên khu đất.

3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

2.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

- Công tác tiếp thị thầu: Năm 2017, toàn tổ hợp đã thực tiếp thị 36 gói thầu và thực hiện đấu thầu tại 40 dự án/công trình. Công ty mẹ không có hợp đồng ký mới. Các công ty con ký kết được 20 hợp đồng với các Chủ đầu tư/Tổng thầu, tổng giá trị các hợp đồng là 896,01 tỷ đồng. Trong đó PVC-MS ký kết 04 hợp đồng với giá trị 802,46 tỷ đồng, PVC-PT ký kết 11 hợp đồng với giá trị 23,72 tỷ đồng, PVC-Bình Sơn ký được 01 hợp đồng với giá trị 5,93 tỷ đồng và PVC- Đông Đô ký được 04 hợp đồng với giá trị 63,9 tỷ đồng.
- Công tác ký kết hợp đồng: Năm 2017, Công ty mẹ đã thực hiện ký kết 22 hợp đồng thầu phụ tại các dự án/công trình: dự án NMNĐ Thái Bình 2 (15 hợp đồng giá trị khoảng 107 tỷ đồng), dự án NMNĐ Sông Hậu 1 (06 hợp đồng giá trị 116,78 tỷ đồng) và công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí tại TP. HCM – giai đoạn 2 (ký với PVC Bình Sơn với giá trị 36,68 tỷ đồng).

2.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

Trong năm 2017, PVC tiếp tục triển khai từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tài chính, cụ thể:

- Tổ chức triển khai công tác lập, hoàn thiện, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016, báo cáo soát xét giữa năm 2017 của Công ty mẹ và Hợp nhất Tổng công ty; Lập báo cáo tài chính tự lập quý I, quý III/2017, công bố thông tin đúng quy định.
- Nghiêm túc thực hiện và đôn đốc các đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước các năm trước, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu giải trình, phục vụ các cơ quan chức năng.
- PVC đã có những biện pháp chấn chỉnh, kiểm soát về công tác quản lý dòng tiền, nguồn tiền phục vụ các dự án và đều được chi đúng mục đích, đúng yêu cầu.
- Hoàn thành công tác rà soát, đánh giá thực trạng các hợp đồng kinh tế, chi phí, công nợ và giá trị khối lượng dở dang của Chi nhánh phía Bắc tại gói thầu Civil 6 dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn; tiếp tục thực hiện công tác rà soát tại dự án NMNĐ Thái Bình 2
- Hoàn thành công tác mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Phụ lục hợp đồng điều chỉnh số 26 ngày 06/7/2017 tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại BIDV-Hà Tây và chuyển tài khoản chuyên chi tại dự án từ PVcombank sang tài khoản chuyên chi mới của PVC tại BIDV-Hà Tây.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVC tại PVC-ME thực hiện cầm cố/thế chấp tài sản cho Ngân hàng PVComBank để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh cho Tổng công ty: Công tác nhận bàn giao các thiết bị nhận chuyển nhượng từ PVC-ME, chuyển quyền sở hữu, xây dựng phương án sử dụng, bảo quản các thiết bị theo

đúng quy định. Tổng công ty đã tiếp nhận 33/35 thiết bị thuộc diện đã thế chấp tại Vietinbank Chương Dương.

- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn: Đến ngày 31/12/2017 đã hết thời gian gia hạn trả nợ Tập đoàn tuy nhiên mới chỉ có PVC-Petroland thu xếp trả một phần gốc của khoản vay với số tiền là 30 tỷ đồng. Số dư vay ủy thác phải trả Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2017 là 925,03 tỷ đồng, trong đó dư nợ của các đơn vị là 534,74 tỷ đồng. Tổng chi phí trích lập dự phòng cho khoản nợ vay ủy thác của PVC đến hết năm 2017 là 301,98 tỷ đồng.

Trong quý I/2018, sau khi trừ các khoản đã thu qua việc chuyển nhượng INT (PVC-Petroland 30,587 tỷ đồng và PVC-SG 35,04 tỷ đồng), số dư các đơn vị của PVC sử dụng vốn vay ủy thác là 469,07 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/3/2018 PVC thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản vay vốn ủy thác là 279,70 tỷ đồng (được hoàn nhập 22,28 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2017).

- Đối với khoản bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán cho các đơn vị: Tại thời điểm 31/12/2017, dư nợ bảo lãnh của Tổng công ty là 237,86 tỷ đồng, PVC đã thực hiện trích lập dự phòng 137,94 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn dư nợ bảo lãnh thanh toán chuyển nhượng Khách sạn Dầu khí Thái Bình đối với PVEP cho PVC-Thái Bình với giá trị 111,8 tỷ đồng.
- Về công tác thu hồi công nợ: PVC đã xây dựng và tích cực triển khai kế hoạch chi tiết về công tác thu hồi, xử lý nợ năm 2017. Kết quả năm 2017, Công ty mẹ đã thu hồi thu hồi/xử lý được 212,71 tỷ đồng/291,18 tỷ đồng kế hoạch, đạt 73% giá trị kế hoạch thu hồi/xử lý nợ đã đề ra. Đến 31/12/2017, công nợ phải thu Công ty mẹ PVC 3.116,58 tỷ đồng, nợ quá hạn khoảng 1.298,92 tỷ đồng, đã được PVC thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 996,70 tỷ đồng (tương ứng 77% giá trị nợ quá hạn). Trong đó có nhiều khoản công nợ phải thu từ các nhà thầu phụ do còn những vướng mắc, chưa quyết toán được công trình/ dự án nên chưa có cơ sở để thu hồi/xử lý nợ (như tại dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch,...).

4. Công tác đầu tư

4.1. Đầu tư tài chính

Năm 2017, PVC không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. PVC đã thoái toàn bộ vốn góp tại PVSD thu về 30 tỷ đồng/ 30 tỷ đồng giá trị đầu tư và bán bớt 700 cổ phần tại PVC-ID thu về 8,99 triệu đồng, hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Pacific. Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty mẹ PVC có vốn góp tại 30 đơn vị với giá trị đầu tư 3.148,74 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 09 Công ty con là 1.986,21 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 754,80 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (10 đơn vị) 407,73 tỷ đồng.

Cổ tức thu về trong năm 2017 là 41,54 tỷ đồng. Trong đó, cổ tức từ PVC-MS là 39,76 tỷ đồng, từ Petrowaco là 0,6 tỷ đồng và từ PVC-Kinh Bắc là 1,18 tỷ đồng.

Năm 2017, PVC thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 65,26 tỷ đồng (bao gồm: hoàn nhập 17,05 tỷ đồng và trích lập bổ sung là 82,31 tỷ đồng). Lũy kế trích lập đến thời điểm 31/12/2017 là 1.629,94 tỷ đồng, tương ứng khoảng 51,8% tổng giá trị đầu tư.

4.2. Đầu tư bất động sản, XDCB, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

Năm 2017, Công ty mẹ Tổng công ty không thực hiện đầu tư.

Các công ty con thực hiện đầu tư với giá trị đầu tư 346,97 tỷ đồng trong đó PVC-Bình Sơn thực hiện đầu tư mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị, nâng cao năng lực thi công là 0,12 tỷ đồng, còn lại các đơn vị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản/ dự án bất động sản chuyển tiếp từ những năm trước là 346,85 tỷ đồng, bao gồm: dự án nâng cấp, sửa chữa Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí (PVC-MS), khu phức hợp TM-DV Văn phòng và căn hộ tại đường 30/4 Tp.Vũng Tàu (PVC-IC), Dự án chung cư cao cấp CT5E Xuân Phương (PVC-Đông Đô),...

5. Công tác lao động, tiền lương, đào tạo

Triển khai xây dựng và thực hiện phương án định biên lao động của các Ban/Văn phòng/Văn phòng Đảng – Đoàn thể Tổng công ty năm 2017. Thực hiện giao nhiệm vụ và điều động tăng cường nhân sự cho các dự án trọng điểm của Tổng công ty theo nhu cầu nhân lực phù hợp đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số CBCNV của toàn Tổng công ty là 3.077 người, tại Công ty mẹ là 433 người. Số lao động có việc làm thường xuyên là 3.144 người; Số lao động nghỉ không lương và các chế độ khác là 81 người.

PVC đã ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy chế lương Cơ quan Tổng công ty/ Ban ĐHDA thuộc Tổng công ty, sửa đổi và Ban hành Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện của PVC tại các đơn vị thành viên, phù hợp với Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, phù hợp với hoạt động SXKD, thực tế công tác quản lý điều hành của Tổng công ty. Thu nhập bình quân năm 2017 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 9,85 triệu đồng/người/tháng, bằng 97% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 11,96 triệu đồng/người/tháng, bằng 98% kế hoạch năm.

Năm 2017, toàn Tổng công ty đã thực hiện đào tạo cho 4.038 lượt học viên (đạt 93% kế hoạch) với kinh phí thực hiện là 3,69 tỷ đồng. Công ty mẹ đã tổ chức đào tạo cho 66 lượt người với kinh phí đào tạo 28,8 triệu đồng. Ngoài ra còn tạo điều kiện về thời gian, thủ tục và động viên cán bộ tự túc kinh phí tham gia đào tạo 42 lượt người.

6. Kết quả đạt được

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng công ty và 16 đơn vị trong Tổng công ty.
- Đã hoàn thành ký kết Phụ lục bổ sung số 26, 27 Hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 điều chỉnh giá trị hợp đồng, điều chỉnh tiến độ dự án và điều chỉnh một số nội dung tạm thanh toán.
- Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã hoàn thành, bàn giao cho Chủ đầu tư/Tổng thầu các công trình: gói thầu Civil 6 dự án LHD Nghi Sơn, gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án DK (P11, P12, P13), dự án Topside Thỏ Trắng 3... Triển khai thi công công trình Viện Dầu khí phía Nam giai đoạn 2, Khu đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh,...
- Hoàn thành công tác thoái toàn bộ vốn tại đơn vị PVSD giảm số đầu mối các đơn vị PVC góp vốn xuống còn 30 đơn vị.

- Công tác thoái vốn tại các dự án/tài sản bất động sản của các đơn vị thành viên theo chủ trương chung của Tập đoàn, Tổng công ty đã đạt được một số kết quả nhất định nhằm thu hồi vốn đầu tư tồn đọng tại các dự án, tập trung nguồn vốn cho hoạt động SXKD chính của đơn vị/trả nợ ngân hàng như PVC-Bình Sơn, PVC-IC, PVC-MS.
- Căn cứ tình hình hoạt động SXKD thực tế, một số đơn vị đã quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu bộ máy quản lý và các Phòng/Ban chuyên môn nhằm tiết giảm tối đa chi phí quản lý, chi phí hoạt động của doanh nghiệp như tại Công ty mẹ, PVC-IC, PVC-PT, PVC-MS...
- Tích cực trong việc thực hiện phương án thu hồi và xử lý nợ: Trong năm 2017 Công ty mẹ PVC dự kiến thực hiện thu hồi/xử lý 212,71 tỷ đồng công nợ phải thu khó đòi, tương ứng 73% kế hoạch đã đề ra.
- Trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí được PVC triển khai sâu rộng tới toàn thể các đơn vị, người lao động trong toàn Tổng công ty. Năm 2017, toàn Tổng công ty ước thực hiện tiết giảm được 27,74 tỷ đồng/ 27,37 tỷ đồng kế hoạch tiết giảm chi phí đã đăng ký với Tập đoàn (bao gồm tiết giảm chi phí nguyên nhiên vật liệu, chi phí quản lý). Trong đó Công ty mẹ ước thực hiện tiết giảm từ chi phí quản lý 5 tỷ đồng.

7. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2017 nêu trên, Tổng công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan làm tác động tiêu cực đến công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:

- Tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là dự án hiện nay đem lại sản lượng-doanh thu chủ yếu của PVC: việc thời gian ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng EPC kéo dài trong nửa đầu năm 2017 đã dẫn đến cơ cấu giá và mốc thanh toán trong hợp đồng đã ký chưa phù hợp với thực tế triển khai thi công. Các hạng mục lắp đặt thiết bị đã hoàn thành không có nguồn để nghiệm thu, thanh toán. Khó khăn về nguồn vốn và giá trị sản lượng dở dang lớn dẫn đến thiếu nguồn lực, việc triển khai thi công trên công trường chỉ duy trì hoạt động ở mức độ cầm chừng, không đủ nguồn lực để triển khai thi công.
- Tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1 gặp rất nhiều khó khăn trong công tác thu hồi vốn do Chủ đầu tư/ Tổng thầu chậm phê duyệt đơn giá đối với công việc chưa có đơn giá trong Hợp đồng hoặc có đơn giá nhưng chưa phù hợp; chưa thống nhất phương thức thanh toán/ điều chỉnh giá Hợp đồng giai đoạn sau 10/4/2016,...
- Tiến độ thi công tại một số các công trình/ dự án khác còn chậm so với kế hoạch do: công tác giải phóng, bàn giao mặt bằng, công tác phê duyệt thay đổi thiết kế của chủ đầu tư còn chậm; khó khăn trong công tác thu xếp vốn; công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán tại các Ban điều hành/ đơn vị thi công còn chưa quyết liệt. Một số dự án đã hoàn thành thi công, tuy nhiên công tác quyết toán kéo dài làm ảnh hưởng tới kế hoạch doanh thu, đồng thời phát sinh chi phí quản lý của Tổng công ty như dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 1,...

- Việc quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại một số đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch đề ra như tại dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình, Chung cư Phú Đạt.
- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn. Các hợp đồng ký mới được rất ít, giá trị nhỏ. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/ dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp. Khả năng tự tìm kiếm nguồn việc mới của các đơn vị còn yếu, chưa chủ động.
- Hầu hết các công ty con có kết quả SXKD thua lỗ trong năm 2017 (chỉ có 3/9 đơn vị hoạt động có lãi: DOBC, PVC-Bình Sơn, PVC-MS), các đơn vị còn lại đều thua lỗ đã ảnh hưởng xấu tới kết quả sản xuất kinh doanh của hợp nhất toàn Tổng công ty.
- Công tác thoái vốn góp đầu tư tài chính gặp nhiều vướng mắc do phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng có nhiều khó khăn hoặc các đối tác đưa ra mức giá nhận chuyển nhượng quá thấp. Ngoài ra những vướng mắc thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện cũng dẫn đến quá trình thoái vốn kéo dài.
- Công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản của một số đơn vị còn chậm và chưa hoàn thành dẫn đến nguồn vốn còn tồn đọng lớn, thiếu vốn lưu động phục vụ công tác thi công các công trình như PVC-IC, PVC-Mekong, PVC-Đông Đô,...
- Công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, nhiều khoản nợ chéo giữa các đơn vị. Việc chậm trễ trong công tác quyết toán/thanh lý hợp đồng đã thi công xong làm ảnh hưởng đến việc hoàn tất các thủ tục pháp lý để thu hồi công nợ. Các dự án đang thi công dở dang, gặp khó khăn do phát sinh chi phí vẫn chưa có cơ sở để triển khai tiếp (như dự án Ethanol Phú Thọ, NMNĐ Quảng Trạch 1,...) hiện công nợ dư ứng, công nợ khối lượng giữ lại theo hợp đồng tại các dự án này chưa đủ cơ sở pháp lý để thu hồi từ Chủ đầu tư/Thầu phụ, nhất là đối với các nhà thầu phụ đã dùng tiền tạm ứng để chuẩn bị công tác thi công, mua sắm vật tư vật liệu cho công trình nên khả năng thu hồi không cao.
- Những tồn tại của các năm trước tiếp tục bộc lộ, Tổng công ty phải thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu, giá trị sản xuất kinh doanh dở dang, hạch toán các chi phí chênh lệch, chi phí phát sinh thiếu đầu thu từ dự án NMNĐ Thái Bình 2. Do đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh trong năm 2017.
- Việc các Cơ quan pháp luật thực hiện công tác điều tra, thanh tra, khởi tố làm ảnh hưởng lớn đến tâm lý Lãnh đạo và CBCNV toàn Tổng công ty. Tại công ty mẹ Tổng công ty, nhiều lãnh đạo các Ban chuyên môn/ Ban ĐHDA đã xin điều chuyển công tác dẫn đến thiếu hụt nguồn lực nòng cốt, có chuyên môn giỏi ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ của Tổng công ty. Ngoài ra, khi PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC ngày càng gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, PVC tiếp tục phải đối diện với các khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc cũng như các rủi ro tiềm ẩn tiếp tục bộc lộ. Tổng Công ty PVC đã thực hiện xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2018 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Kế hoạch năm 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	4.300,00	4.355,36	101%	3.100,00
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	2.800,00	2.839,08	101%	2.200,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.500,00	3.899,59	111%	3.800,00
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	2.000,00	2.226,29	111%	3.000,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(415,26)		-
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	-	(367,07)		-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(416,32)		-
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	-	(365,90)		-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	248,00	291,43	118%	205,00
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	135,00	105,49	78%	125,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,20	9,85	97%	11,13
	<i>Công ty mẹ</i>	Tr.đ/ tháng	12,20	11,96	98%	12,20

Các nhiệm vụ trọng tâm

- ❖ Tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hoàn thành và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đã đề ra;
- ❖ Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình; thu hồi nợ cá nhân bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/hạng mục công việc; nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp;
- ❖ Tập trung tăng cường công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm tại các dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Khu đào tạo quốc tế - Học viện an ninh Nhân dân, dự án Viện Dầu khí phía Nam – giai đoạn 2...; Hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán: gói thầu Nạo vét lần đầu BoQ1 tại dự án LHD Nghi Sơn, gói

thầu số 3, số 5 - hạ tầng dùng chung NMNĐ Thái Bình, dự án NMNĐ Vũng Áng 1 (sau khi được Tập đoàn phê duyệt phát sinh chưa lường trước), dự án Viện Dầu khí Phía Nam – giai đoạn 1; Gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1...;

- ❖ Đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp các dự án trong ngành, mở rộng thị trường ngoài ngành, trong đó tập trung tham gia đấu thầu tại các hạng mục dự án NMNĐ Nam Định 1, dự án Cá Voi Xanh, dự án Nhà máy Lọc dầu Long Sơn, NMNĐ Long Phú 1, ...
- ❖ Quyết liệt triển khai chi tiết phương án tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020 đã được Tập đoàn tạm phê duyệt tại Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31/12/2016 và các Nghị quyết/Văn bản chỉ đạo khác của Tập đoàn liên quan đến công tác tái cơ cấu của Tổng công ty. Sắp xếp các đơn vị thành viên theo hướng tập trung, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh, hoạt động hiệu quả; Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý Công ty mẹ theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh để trực tiếp tham gia các dự án;
- ❖ Chỉ đạo các đơn vị thành viên khẩn trương thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị.
- ❖ Quyết liệt thực hiện công tác định biên, rà soát, sắp xếp nhân sự đảm bảo phù hợp với kế hoạch, nhiệm vụ SXKD đã được Tập đoàn chấp thuận tại Nghị quyết số 702/NQ-DKVN ngày 26/01/2018.
- ❖ Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- ❖ Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PVC để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư của Công mẹ tại các đơn vị thành viên;
- ❖ Tiếp tục rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.
- ❖ Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để giảm giá thành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật; Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán gói thầu/hạng mục công việc từ khâu chuẩn bị hồ sơ để làm cơ sở kiểm soát chi phí;
- ❖ Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, trong đó đặc biệt trong việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng; Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro;
- ❖ Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn;

- ❖ Xây dựng và áp dụng các quy trình quản lý chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu tổ chức thi công các công trình công nghiệp lớn, duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng Công ty; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất;
- ❖ Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu./.

Để thực hiện được kế hoạch SXKD năm 2018 đề ra, Tổng công ty cần tập trung mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, PVC đã đề ra các giải pháp trong từng lĩnh vực như sau:

1. Công tác tái cấu trúc

- Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị liên kết/ĐTTC có ngành nghề kinh doanh không phù hợp với định hướng SXKD chính của Tổng công ty và các đơn vị không có khả năng phục hồi, có nguy cơ cao giải thể/phá sản, xây dựng bộ hồ sơ chào bán thoái vốn.
- Hoàn thành công tác xây dựng kế hoạch tái cơ cấu phần vốn góp của Tổng công ty tại các đơn vị năm 2018 sau khi được Tập đoàn phê duyệt phương án tái cấu trúc. Trên cơ sở đó, thực hiện thẩm định giá trị phần vốn góp để làm cơ sở thực hiện các thủ tục thoái vốn/chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại các đơn vị.
- Chỉ đạo đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác chuyển nhượng/ thoái vốn tại các dự án bất động sản của đơn vị nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD chính của đơn vị;
- Hỗ trợ xử lý giải quyết tối đa các tồn tại, vướng mắc về tài chính, công nợ của các đơn vị trong kế hoạch giải thể/phá sản để làm các thủ tục giải thể/phá sản khi đủ điều kiện.

2. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2018 cũng như nguồn việc gối đầu cho những năm sau/giao cho các đơn vị thành viên thực hiện để hỗ trợ đơn vị phát triển theo định hướng phát triển của Tổng công ty.
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác tiếp thị, đấu thầu.
- Tìm kiếm, thiết lập quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để cùng tham gia tiếp thị thực hiện dự án thông qua các hình thức liên danh, liên kết phù hợp với tình hình thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

3. Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động

SXKD của Tổng công ty trong năm 2018, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

- Tính toán hiệu quả kinh tế, triệt để tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường kiểm soát tài chính tại các Ban điều hành dự án, làm việc với các đơn vị xem xét hiệu quả, thực trạng và có biện pháp tăng cường hạch toán kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Thực hiện đàm phán/ kiến nghị với Tập đoàn về khoản công nợ vay ủy thác qua Oceanbank theo hướng khoan nợ gốc, tiếp tục gia hạn thời hạn trả nợ gốc, miễn/giảm lãi phát sinh.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch chi tiết công tác xử lý nợ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên năm 2018, đặc biệt đẩy mạnh xử lý các khoản công nợ chưa xử lý được theo kế hoạch năm 2017. Rà soát, xây dựng phương án xử lý dứt điểm các khoản công nợ tạm ứng cá nhân. Xử lý công nợ chéo giữa các đơn vị thành viên và công nợ tại các dự án đã đủ điều kiện thực hiện.

4. Công tác chỉ đạo, điều hành thi công tại các công trình

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác giám sát, điều hành, điều phối thi công, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PVC.
- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, thực hiện đàm phán/ kiến nghị với Tập đoàn/ Ban QLDA để ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng EPC theo hướng tối thiểu phải bù đắp đủ các chi phí.
- Rà soát đánh giá năng lực của các đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng. Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác hoàn thành hồ sơ quyết toán các dự án Nạo vét Nghi Sơn, gói thầu số 3, số 5 - hạ tầng dùng chung nhiệt điện Thái Bình, San lấp Nghi Sơn giai đoạn 2, NMNĐ Vũng Áng 1, Quảng Trạch 1, PVTEX, Ethanol...;
- Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Tổng công ty, chuẩn hóa các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân.

5. Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức quản lý của Tổng công ty. Quyết liệt thực hiện công tác định biên, rà soát, sắp xếp lại nhân sự đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của các đơn vị/Tổng công ty hiện nay

nhằm tăng năng suất lao động, tiết giảm tối đa chi phí quản lý tại Công ty mẹ Tổng công ty.

- Thu gọn mô hình hoạt động của Ban ĐHDA NMNĐ Thái Bình 2 theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, sử dụng tối đa nhân sự từ các đơn vị thành viên/ nhà thầu thi công tại dự án. Thực hiện kiểm toán các Hợp đồng ký với các nhà thầu phụ nhằm giảm/tránh rủi ro liên quan đến Tổng công ty tại dự án.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định/quy chế quản lý nội bộ của phù hợp với các quy định của Pháp luật và tình hình hiện tại của Tổng công ty, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị
- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao, có năng lực, am hiểu công nghệ, có kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ CBCNV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Triển khai các khóa đào tạo, đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu để xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ cao.
- Thực hiện công tác quản lý, đôn đốc và giám sát thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2018 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 trong bối cảnh có nhiều khó khăn từ những diễn biến phức tạp của nền kinh tế trong và ngoài nước cũng như các thách thức nội tại của PVC do các năm trước để lại. Khái quát những khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2017 như sau:

- Trong năm 2017, Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) dừng thực hiện Nghị quyết 233/NQ-ĐU về việc “phát huy nội lực và ưu tiên sử dụng các dịch vụ của các đơn vị thành viên Tập đoàn”, công tác tìm kiếm nguồn công việc mới trong ngành của Tổng công ty phải tuân theo các quy định của Luật đấu thầu.
- Bên cạnh đó, thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1182/TTg-ĐMDN ngày 11/8/2017 về việc phê duyệt danh mục danh mục doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp tại PVC trong giai đoạn 2018 – 2019 và Tổng công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp tại các đơn vị không nằm trong chuỗi các đơn vị nòng cốt của Tổng công ty. Đây là vấn đề ảnh hưởng, thay đổi lớn đến mục tiêu, chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- PVC và các đơn vị phải đối mặt với nhiều khó khăn trong vấn đề tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng ngân hàng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.
- Thị trường bất động sản tuy có khởi sắc nhưng chưa rõ nét, các dự án chủ yếu đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư/dừng thực hiện đầu tư và hầu hết vị trí các dự án đầu tư của PVC/đơn vị thành viên ở các khu vực chưa thực sự thuận lợi để thu hút đầu tư.
- Nhiều đơn vị thành viên của PVC hoạt động SXKD thua lỗ, không đủ điều kiện tham dự thầu nhiều công trình/dự án; nguồn việc chủ yếu phụ thuộc vào các dự án được Tổng công ty giao.
- Bên cạnh đó, việc các cơ quan pháp luật thực hiện công tác điều tra, thanh tra, khởi tố làm ảnh hưởng đến tâm lý CBCNV toàn Tổng công ty. Ngoài ra, khi PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC ngày càng gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.

Trước những khó khăn thách thức đã khái quát nêu trên, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) – Cổ đông lớn nhất của PVC, sự hỗ trợ của các Ban chuyên môn, các đơn vị thành viên Tập đoàn

và đặc biệt là tập thể CBCNV PVC đã chủ động, nỗ lực bền bỉ từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời quyết tâm thực hiện những mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà PVC đã đề ra trong chiến lược phát triển của mình.

Trong năm 2017, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Công ty mẹ và các đơn vị thành viên PVC chú trọng vào 3 nhiệm vụ chính:

- Đẩy mạnh giám sát, chỉ đạo hoạt động SXKD để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được cổ đông lớn – Tập đoàn Dầu khí Việt nam và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua;

- Quyết liệt đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tại Công ty mẹ PVC và các đơn vị thành viên theo phương án tái cơ cấu đã được Tập đoàn tạm phê duyệt tại Quyết định số 2627/QĐ-DKVN ngày 31/12/2016;

- Tập trung xử lý tồn tại, vướng mắc liên quan đến công nợ, bảo lãnh, tạm ứng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tổng công ty

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện **4.355,36 tỷ đồng/4.300 tỷ đồng**, đạt 101% kế hoạch năm, bằng 39% so với năm 2016. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **2.839,08 tỷ đồng/2.800 tỷ đồng**, đạt 101% kế hoạch năm, bằng 32% so với năm 2016.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện **3.899,59 tỷ đồng/3.500 tỷ đồng**, đạt 111% kế hoạch năm, bằng 42% so với năm 2016. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **2.226,29 tỷ đồng/8.600 tỷ đồng**, đạt 111% kế hoạch năm, bằng 31% so với năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp **lỗ 415,26 tỷ đồng**. Trong đó, Công ty mẹ PVC **lỗ 367,07 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp **lỗ 416,32 tỷ đồng**. Trong đó, Công ty mẹ PVC **lỗ 365,90 tỷ đồng**.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2017 là **824,05 tỷ đồng**, giảm 30% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016.
- Giá trị phải nộp ngân sách Nhà nước toàn tổ hợp thực hiện **291,43 tỷ đồng/248 tỷ đồng**, đạt 118% kế hoạch năm và bằng 31% so với năm 2016. Trong đó, Công ty mẹ PVC thực hiện **105,49 tỷ đồng/135 tỷ đồng**, bằng 78% kế hoạch năm và bằng 18% so với năm 2016.

Năm 2017, HĐQT đã căn cứ vào Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt để xây dựng chương trình làm việc, đã đưa ra các định hướng đúng đắn, chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và đã đạt được một số kết quả sau:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng công ty và 16 đơn vị trong Tổng công ty.
- Đã hoàn thành ký kết Phụ lục bổ sung số 26, 27 Hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 điều chỉnh giá trị hợp đồng, điều chỉnh tiến độ dự án và điều chỉnh một số nội dung tạm thanh toán.
- Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã hoàn thành, bàn giao cho Chủ đầu tư/Tổng thầu các công trình: gói thầu Civil 6 dự án LHD Nghi Sơn, gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án DK (P11, P12, P13), dự án Toppide Thỏ Trắng 3... Triển khai thi công công trình Viện Dầu khí phía Nam giai đoạn 2, Khu đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh,...
- Hoàn thành công tác thoái toàn bộ vốn tại đơn vị PVSD giảm số đầu mối các đơn vị PVC góp vốn xuống còn 30 đơn vị.
- Công tác thoái vốn tại các dự án/tài sản bất động sản của các đơn vị thành viên theo chủ trương chung của Tập đoàn, Tổng công ty đã đạt được một số kết quả nhất định nhằm thu hồi vốn đầu tư tồn đọng tại các dự án, tập trung nguồn vốn cho hoạt động SXKD chính của đơn vị/trả nợ ngân hàng như PVC-Bình Sơn, PVC-IC, PVC-MS.
- Căn cứ tình hình hoạt động SXKD thực tế, một số đơn vị đã quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu bộ máy quản lý và các Phòng/Ban chuyên môn nhằm tiết giảm tối đa chi phí quản lý, chi phí hoạt động của doanh nghiệp như tại Công ty mẹ, PVC-IC, PVC-PT, PVC-MS...
- Tích cực trong việc thực hiện phương án thu hồi và xử lý nợ: Trong năm 2017 Công ty mẹ PVC dự kiến thực hiện thu hồi/xử lý 212,71 tỷ đồng công nợ phải thu khó đòi, tương ứng 73% kế hoạch đã đề ra.
- Trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí được PVC triển khai sâu rộng tới toàn thể các đơn vị, người lao động trong toàn Tổng công ty. Năm 2017, toàn Tổng công ty ước thực hiện tiết giảm được 27,74 tỷ đồng/ 27,37 tỷ đồng kế hoạch tiết giảm chi phí đã đăng ký với Tập đoàn (bao gồm tiết giảm chi phí nguyên nhiên vật liệu, chi phí quản lý). Trong đó Công ty mẹ ước thực hiện tiết giảm từ chi phí quản lý 5 tỷ đồng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018, HĐQT đã xác định Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, ngoài các yếu tố từ nguồn lực của PVC thì các yếu tố rủi ro tiềm ẩn nêu trên sẽ tiếp tục bộc lộ. HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc hết sức thận trọng khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017			Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)		
1	Giá trị SXKD	4.300,00	4.355,36	101%	3.100,00	71%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>2.800,00</i>	<i>2.839,08</i>	<i>101%</i>	<i>2.200,00</i>	<i>77%</i>
2	Tổng doanh thu	3.500,00	3.899,59	111%	3.800,00	97%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>2.000,00</i>	<i>2.226,29</i>	<i>111%</i>	<i>3.000,00</i>	<i>135%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	-	(415,26)		-	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>-</i>	<i>(367,07)</i>		<i>-</i>	
4	Lợi nhuận sau thuế	-	(416,32)		-	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>-</i>	<i>(365,90)</i>		<i>-</i>	
5	Nộp NSNN	248,00	291,43	118%	205,00	70%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>135,00</i>	<i>105,49</i>	<i>78%</i>	<i>125,00</i>	<i>118%</i>
6	Thu nhập bình quân	10,20	9,85	97%	11,13	113%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>12,20</i>	<i>11,96</i>	<i>98%</i>	<i>12,20</i>	<i>102%</i>

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2017, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Đàm phán với cổ đông lớn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về khoản công nợ vay ủy thác qua Oceanbank theo hướng khoan nợ gốc, tiếp tục gia hạn thời hạn trả nợ gốc, miễn/giảm lãi phát sinh.
- Đàm phán với cổ đông lớn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 theo hướng tối thiểu phải bù đắp đủ các chi phí.
- Quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu đã được Tập đoàn tạm phê duyệt tại Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31/12/2016.
- Chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm được Tập đoàn và các chủ đầu tư giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu, như: dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, dự án Lọc hóa dầu Long Sơn,... Tăng cường công tác giám sát, điều hành và điều phối công tác thi công trên công trường. Trong đó, Công ty mẹ Tổng công ty/các đơn vị thành viên cần ưu tiên, tập trung mọi nguồn lực cho dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Thu gọn mô hình hoạt động của Ban ĐHDA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, sử dụng tối đa nhân sự từ các đơn vị thành viên/Nhà thầu thi công tại dự án; Thực hiện kiểm toán các Hợp đồng ký với các nhà thầu phụ nhằm giảm/tránh rủi ro liên quan đến Tổng công ty tại dự án.
- Quyết liệt thực hiện công tác định biên, rà soát, sắp xếp nhân sự đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của các đơn vị/Tổng công ty hiện nay nhằm tăng năng suất lao động, tiết giảm tối đa chi phí quản lý tại Công ty mẹ Tổng công ty.
- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình; Rà soát, đối chiếu, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ chéo giữa các đơn vị, công nợ nội bộ với các đơn vị thành viên Tập đoàn; Các đơn vị thành viên cần khẩn trương thực hiện thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị như các dự án bất động sản của PVC-Bình Sơn, PVC-Duyên Hải, PVC-Đông Đô...
- Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tại Công ty mẹ, phấn đấu trong năm 2018 cân bằng thu chi trong hoạt động SXKD chính.
- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT PVC tổng kết hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp ý kiến thiết thực giúp HĐQT PVC nhiệm kỳ tới hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của PVC.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch		6/6	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên	29/9/2017	2/6	33%	Thôi TV.HĐQT
3	Ông Bùi Ngọc Hưng	Thành viên		6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Huy Hòa	Thành viên	15/12/2017	5/6	83%	Thôi TV.HĐQT
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Thành viên	15/12/2017	5/6	83%	Thôi TV.HĐQT
6	Nguyễn Đình Thế	Thành viên	15/12/2017	1/6	17%	TV. HĐQT mới được bầu
7	Phạm Hồng Lĩnh	Thành viên độc lập	15/12/2017	1/6	17%	TV. HĐQT mới được bầu
8	Phạm Cương	Thành viên độc lập	15/12/2017	1/6	17%	TV. HĐQT mới được bầu

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, từng Thành viên HĐQT: Ông Bùi Ngọc Thắng, Ông Bùi Ngọc Hưng, Ông Nguyễn Anh Minh (đình chỉ chức vụ và thực hiện miễn nhiệm kể từ ngày 29/9/2017), Ông Nguyễn Đình Thế (bổ nhiệm chính thức kể từ ngày 15/12/2017), Ông Nguyễn Huy Hòa (hết nhiệm kỳ kể từ ngày 15/12/2017), Bà Nguyễn Thị Thu Hường (hết nhiệm kỳ kể từ ngày 15/12/2017), Ông Phạm Cương và ông Phạm Hồng Lĩnh (được bầu nhiệm kỳ mới tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 15/12/2017) đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế làm việc của HĐQT PVC và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự,... của PVC cũng như giám sát nhiệm vụ, quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT như đã tổng kết tại các phần nêu trên;

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác;
- Có ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC và trực tiếp phụ trách một số đơn vị thành viên của PVC theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT PVC.

Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/ doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới. Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban tháng của Tổng công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban tổng giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.
- Hàng tháng, hàng quý Ban Tổng giám đốc thực hiện rà soát các nhiệm vụ đã giao, chỉ đạo các Ban chuyên môn/ Ban điều hành dự án/Chi nhánh thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2017.

3. Công tác quản trị, tổ chức, lao động, đào tạo

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng công ty. Hướng dẫn, Phối hợp rà soát, chấp thuận nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của các đơn vị.
- Năm 2017, PVC thực hiện kiện toàn công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của PVC tại các đơn vị: PVC-Thái Bình, PVC-IC, PVC-Đông Đô, PVCLand, PVNC, PVC-ID, PVC-Kinh Bắc, Petrowaco, PVC-Metal, PVC-Petroland. Thực hiện thủ tục thôi cử Người đại diện tại các đơn vị đã thoái vốn toàn bộ: PVSD, Pacific.
- Triển khai xây dựng và thực hiện phương án định biên lao động của các Ban/Văn phòng/Văn phòng Đảng – Đoàn thể Tổng công ty năm 2017. Thực hiện giao nhiệm vụ và điều động tăng cường nhân sự cho các dự án trọng điểm của Tổng công ty theo nhu cầu nhân lực phù hợp đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Tổng công ty và Pháp luật hiện hành.

- Tổng công ty đã thực hiện sửa đổi bổ sung một số điều tại Quy chế trả lương đối với các Ban điều hành dự án và Cơ quan Tổng công ty, phù hợp với Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, phù hợp với hoạt động SXKD, thực tế công tác quản lý điều hành của Tổng công ty.
- Thu nhập bình quân năm 2017 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 9,85 triệu đồng/người/tháng, bằng 97% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 11,96 triệu đồng/người/tháng, bằng 98% kế hoạch năm.
- Năm 2017, toàn Tổng công ty đã thực hiện đào tạo cho 4.038 lượt học viên (đạt 93% kế hoạch) với kinh phí thực hiện là 3,69 tỷ đồng. Công ty mẹ đã tổ chức đào tạo cho 66 lượt người với kinh phí đào tạo 28,8 triệu đồng. Ngoài ra còn tạo điều kiện về thời gian, thủ tục và động viên cán bộ tự túc kinh phí tham gia đào tạo 42 lượt người.

4. Ban Kiểm soát

a. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được Tập đoàn phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tập trung triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, ngoài việc giám sát tường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Tham gia các cuộc họp giao ban tuần/tháng/quý/năm để giám sát tình hình hoạt động chung của Tổng công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí của HĐQT và Ban TGD PVC thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban TGD.
- Kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Tổng công ty qua các cuộc họp, các văn bản và báo cáo định kỳ của các Ban chuyên môn, Ban điều hành và các đơn vị thành viên
- Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội cổ đông 2017 của các đơn vị thành viên và các đơn vị có vốn góp của PVC.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 sau khi có báo cáo tài chính đã được kiểm toán và đã gửi Tập đoàn kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 của PVC theo công văn 1283-XLDK/BKS ngày 18/04/2017.
- Thực hiện báo cáo định kỳ quý I, quý II/2017, quý III/2017 báo cáo Tập đoàn đồng thời gửi HĐQT TCT.
- Thực hiện rà soát, xem xét báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, 9 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện quý IV/2017 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Thực hiện cho ý kiến đối với các ý kiến nội bộ của Ban điều hành, phiếu lấy ý kiến của HĐQT PVC, trong phạm vi, thẩm quyền của Ban kiểm soát.

- Cùng với Ban lãnh đạo Tổng công ty tham gia đóng góp ý kiến để đưa ra các giải pháp đề nghị Tập đoàn và các cơ quan có thẩm quyền có phương án giải quyết tháo gỡ khó khăn cho PVC.
- Ngày 15/12/2017 Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 đã bầu ra Ban kiểm soát, số lượng ban kiểm soát gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên chuyên trách. Ban kiểm soát đã tiến hành họp để rà soát lại các quy chế, phân công nhiệm vụ của Ban để phù hợp với quy định hiện hành và điều lệ của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

b. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị PVC duy trì họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.
- HĐQT của PVC đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo Ban điều hành và các phòng ban chức năng tại công ty mẹ và người đại diện phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí, nghị quyết đại hội đồng cổ đông tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PVC đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- HĐQT đã kịp thời chỉ đạo và phê duyệt cho Ban Tổng giám đốc triển khai ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Ban hành các nghị quyết về triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Chỉ đạo và thực hiện các báo cáo, đề xuất các vướng mắc, khó khăn lên Tập đoàn về tình hình triển khai dự án Thái Bình 2, các khoản chi phí phát sinh tại Dự án Vũng Áng,... để xin ý kiến chỉ đạo, hỗ trợ của Tập đoàn.
- Phê duyệt, chấp thuận kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu tại các hạng mục dự án đảm bảo tiến độ cho Dự án.
- Chấp thuận chủ trương kiện toàn công tác cán bộ tại công ty mẹ, cán bộ quản lý/Người đại diện quản lý phần vốn của PVC tại các đơn vị thành viên; thực hiện các thủ tục chấp thuận công tác cán bộ quản lý/ Người đại diện quản lý phần vốn của PVC tại các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn các đơn vị niêm yết theo quyết định số 2034/QĐ-DKVN ngày 20/09/2013 và quyết định số 3773/QĐ-DKVN của Tập đoàn.
- Tổ chức, chỉ đạo việc đánh giá năng lực tài chính, thực trạng các khoản vay uỷ thác và các khoản bảo lãnh tại các đơn vị thành viên của PVC;
- Chỉ đạo ban hành mới và sửa đổi 05 quy chế, 03 quy định và 01 chương trình hành động (quy chế trả lương Tổng công ty, quy chế trả lương đối với Ban điều hành TCT, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách với người đại diện của PVC tại các đơn vị thành viên, quy chế quản lý hợp đồng, quy chế quản lý và đánh giá người đại diện của PVC tại doanh nghiệp khác; quy trình thực hiện giám sát và đánh giá trực tiếp dự án đầu tư của TCT, quy trình phối hợp triển khai đầu tư dự án, quy định xây dựng kế hoạch và chế độ báo cáo của TCT, bổ sung phân cấp cho Tổng giám đốc thực hiện HĐ EPC TB2, chương trình hành động của PVC về thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016-2020).

- Xin ý kiến của Tập đoàn về việc sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức của Công ty mẹ PVC theo hướng sáp nhập 7 Ban chuyên môn/ Văn phòng xuống còn 4 Ban và chủ trương Phó tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực kiêm nhiệm chức danh Trưởng các Ban chuyên môn Tổng công ty.

c. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc đã bám sát chủ trương, kế hoạch và các nghị quyết của HĐQT, chỉ đạo của Tập đoàn trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán tại các công trình Dự án; cân đối thu xếp nguồn vốn cho các công trình dự án.
- Tiếp tục chỉ đạo các Ban chuyên môn rà soát, sửa đổi bổ sung các quy trình, quy chế nội bộ để ban hành, sửa đổi, bổ sung kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định, chế độ mới của nhà nước.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, rà soát lại toàn bộ các khoản công nợ, bảo lãnh, ủy thác và thực hiện báo cáo Tập đoàn. Kết quả trong năm 2017 đã thu hồi 122/291 tỷ đồng công nợ. Đối với khoản vay ủy thác và bảo lãnh PVC đã có báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn.
- Hoàn thành công tác mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Phụ lục hợp đồng điều chỉnh số 26 ngày 6/7/2017 tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Tổng công ty đã phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại BIDV-Hà Tây và chuyển tài khoản chuyên chi từ PVCombank sang tài khoản chuyên chi mới của PVC tại BIDV-Hà Tây.
- Thực hiện việc thoái vốn theo nghị quyết của HĐQT: Đã thoái vốn được PVSD thu về 30 tỷ đồng; đã ký kết hợp đồng với đối tác chuyển nhượng INT, thoái một phần vốn tại PVC-ID thu về 8,99 triệu đồng/7 triệu đồng giá trị đầu tư và đang thực hiện các thủ tục thoái vốn PVC-KB, Petrolink, PV-KB, PV-MK...
- Đã triển khai công tác điều động cán bộ công nhân viên tại các Ban chuyên môn tới BÐHDA/CNPB của Tổng công ty, góp phần giảm nhân sự gián tiếp tại Công ty mẹ và tăng cường nhân lực cho Ban điều hành.
- Đã hoàn thành định biên lao động tại Cơ quan Tổng công ty theo phương án đã được HĐQT TCT phê duyệt tại QĐ 301/QĐ-XLKD ngày 19/4/2017.
- Đã kiện toàn mô hình tổ chức thành lập Ban dự án và các Bộ phận giúp việc Giám đốc Ban dự án NMNĐ Thái Bình 2 bao gồm Lãnh đạo Tổng công ty và Trưởng/Phó các Ban chuyên môn làm việc trực tiếp tại dự án để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trên công trường.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

M.S.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	13 - 52

\\s
* N.S.A.
/

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Phạm Hồng Linh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Phạm Cường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2017)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

3100
CÔ
ACH N
JEL
VIỆ
G DA

Số: 958 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2018, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào các đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 31,8 tỷ VND và khoảng 11,2 tỷ VND. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

112
NG
KEM
OI
N
TT

15/1
16
17
18

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 203,8 tỷ VND và khoảng 163 tỷ VND. Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PVC-Land dựa trên phần vốn góp thực tế của Tổng Công ty và báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ phải trả ngắn hạn của PVC Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 310,3 tỷ VND và lỗ lũy kế khoảng 201,9 tỷ VND ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. Giá định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng, cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi nhận giảm khoản mục "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 với giá gốc và giá trị có thể thu hồi lần lượt là khoảng 26,6 tỷ VND và 13,3 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Dự án trên đang trong quá trình chuyển đổi chủ đầu tư và Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các bên liên quan để quyết toán Dự án. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 3.253,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 2.887,5 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 886,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 560,7 tỷ VND) và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh vay cho một số công ty khác với số tiền lẫn lượt khoảng 534,7 tỷ VND và khoảng 237,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được cho vay, được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay và giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các khoản công nợ tiềm tàng này do giá trị của các nghĩa vụ nợ này không được xác định một cách đáng tin cậy.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt: (1) việc chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, (2) các giá trị phát sinh chưa lường hết của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và (3) phương án xử lý dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc đang tạm dừng thi công từ năm 2011. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 50 tỷ VND (trong tổng số tiền thuần 126 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này được đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo kiểm toán số 976/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.804.994.094.862	4.988.416.548.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	508.914.752.119	614.570.679.581
1. Tiền	111		406.941.301.111	491.597.228.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		101.973.451.008	122.973.451.008
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	93.421.325.711	88.103.069.636
1. Chứng khoán kinh doanh	121		150.668.065.000	152.668.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(119.510.253.500)	(123.481.055.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62.263.514.211	58.916.059.636
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.035.837.019.896	1.788.947.307.277
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.206.896.162.668	625.353.122.976
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	913.583.141.149	1.123.578.226.517
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	545.741.688.393	575.741.688.393
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	364.968.423.896	434.275.248.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(996.702.154.460)	(970.000.979.544)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.349.758.250	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.080.316.607.829	2.410.350.265.622
1. Hàng tồn kho	141		2.080.316.607.829	2.410.350.265.622
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.504.389.307	86.445.225.968
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	243.682.193	643.471.158
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.983.714.976	64.520.427.275
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	21.276.992.138	21.281.327.535

001
 001
 H NH
 EL
 IỆT
 ĐA

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.848.913.022.438	1.897.756.852.353
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.387.351.252	55.393.916.889
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	85.387.351.252	55.393.916.889
II. Tài sản cố định	220		31.055.259.345	39.849.356.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	21.959.981.295	29.164.624.345
- Nguyên giá	222		84.437.409.632	84.437.409.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.477.428.337)	(55.272.785.287)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	9.095.278.050	10.684.731.990
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	18.676.108.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.580.830.132)	(7.991.376.192)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.652.380.340)	(4.652.380.340)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	203.669.372.688	160.747.455.076
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.997.663.020	26.197.663.020
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		178.671.709.668	134.549.792.056
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.487.632.785.896	1.586.870.101.056
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	1.986.206.514.396	1.986.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	754.799.467.055	784.806.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	257.059.968.199	257.059.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(1.510.433.163.754)	(1.441.202.848.594)
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.168.253.257	54.896.022.997
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	41.168.253.257	54.896.022.997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.653.907.117.300	6.886.173.400.437

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.829.859.632.751	5.696.221.929.332
I. Nợ ngắn hạn	310		5.691.519.504.087	5.549.140.584.131
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	3.378.885.580.703	3.168.426.705.211
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	435.043.193.526	659.743.063.113
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	3.892.611.661	1.992.677.782
4. Phải trả người lao động	314		35.976.510.124	52.021.025.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	475.788.411.178	318.392.344.388
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.681.032.127	4.831.090.877
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	366.895.599.158	331.250.462.331
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	997.637.776.683	1.019.764.425.998
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		138.340.128.664	147.081.345.201
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	24	71.064.369.884	72.178.785.046
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		64.376.064.729	68.933.617.780
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	568.786.803	2.472.581.503
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.330.907.248	3.496.360.872
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		824.047.484.549	1.189.951.471.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	824.047.484.549	1.189.951.471.105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(3.253.409.798.185)	(2.887.505.811.629)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.887.505.811.629)	(3.026.265.140.599)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(365.903.986.556)	138.759.328.970
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.886.173.400.437	6.886.173.400.437

Vũ Thị Chăm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.159.847.844.976	7.045.404.921.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	2.159.847.844.976	7.045.404.921.805
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	2.371.323.361.525	6.989.359.317.766
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(211.475.516.549)	56.045.604.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	57.631.815.162	51.097.269.143
7. Chi phí tài chính	22	33	86.557.856.381	(57.997.426.831)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.756.921.382	6.681.156.015
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	134.274.595.351	27.923.735.774
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(374.676.153.119)	137.216.564.239
10. Thu nhập khác	31		8.807.644.692	2.236.185.419
11. Chi phí khác	32		1.200.931.753	2.380.570.947
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		7.606.712.939	(144.385.528)
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(367.069.440.180)	137.072.178.711
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	-	177.575.538
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.165.453.624)	(1.864.725.797)
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(365.903.986.556)	138.759.328.970

Vũ Thị Châm

Vũ Thị Châm
 Người lập biểu

Vũ Minh Công

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế

Nguyễn Đình Thế
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(367.069.440.180)	137.072.178.711
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.794.096.990	10.257.351.678
Các khoản dự phòng	03	91.960.688.576	(309.792.073.083)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.733.145.320	(2.182.922.417)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(52.909.905.593)	(17.133.776.206)
Chi phí lãi vay	06	4.756.921.382	6.681.156.015
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(312.734.493.505)	(175.098.085.302)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(370.190.387.966)	811.361.195.404
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	331.233.657.793	1.142.879.115.412
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	87.919.296.775	(1.868.124.811.344)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14.127.558.705	17.535.336.623
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	2.000.000.000	49.200.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(798.910.603)	(3.037.974.782)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(177.575.538)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	30.387.037.253	9.862.580.798
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.743.457.495)	(12.727.635.017)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(223.799.699.043)	(28.327.853.746)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.331.972.000)	(4.162.243.808)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	4.693.355.968	418.743.705
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	32.285.361.369
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	31.979.166.000	51.310.083.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	76.957.156.064	38.654.552.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	142.297.706.032	118.506.496.442

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	48.117.616.323
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.873.742.315)	(49.234.367.523)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.156.701.700)	(3.156.701.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(24.030.444.015)	(4.273.452.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(105.532.437.026)	85.905.189.796
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	614.570.679.581	525.542.570.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(123.490.436)	3.122.919.414
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	508.914.752.119	614.570.679.581

WTKat

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

W

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 457 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 527).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bề tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.253,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: lỗ lũy kế khoảng 2.887,5 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 886,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 560,7 tỷ). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục thực hiện dự án, công trình lớn như Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cũng như nhận được nguồn thu từ dự án này, để đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

010
C
TRÁCH
DE
VI
DUNG

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

11
12
13
14
15
16

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam) có dấu hiệu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục do các công ty này có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm hoặc đang bị kiện (Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam - xem Thuyết minh số 3). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.378 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn là khoảng 295 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2017 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Tổng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty đề ngày 10 tháng 4 năm 2017, Tổng Công ty đã xem xét và đánh giá lại nghiệp vụ chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trong năm 2016. Vấn đề này được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty. Tổng Công ty đánh giá rằng cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ nêu trên trong năm 2016 là chưa phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, kết hợp với việc nghiệp vụ thoái vốn nêu trên đã hoàn tất trong năm 2017. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố	Số sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.886.786.949.939	(393.997.151.700)	1.492.789.798.239
2. Hàng tồn kho	141	4.827.058.732.376	327.445.075.749	5.154.503.808.125
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	854.957.677.396	(13.042.922.207)	841.914.755.189
4. Lỗi lũy kế	421	(2.970.044.312.659)	(19.271.123.737)	(2.989.315.436.396)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.793.998.895.915	(34.238.030.007)	1.759.760.865.908
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016				
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	114.718.313.393	(53.509.153.744)	61.209.159.649
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	91.722.199.330	(53.509.153.744)	38.213.045.586
3. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	75.922.673.762	(19.271.123.737)	56.651.550.025
4. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	15.799.525.568	(34.238.030.007)	(18.438.504.439)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2016				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	113.700.345.832	(53.509.153.744)	60.191.192.088
2. (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.385.833.038)	53.509.153.744	31.123.320.706
3. Thay đổi các khoản phải thu	09	1.020.785.358.780	340.487.997.956	1.361.273.356.736
4. Thay đổi hàng tồn kho	10	1.100.003.586.301	(327.445.075.749)	772.558.510.552
5. Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.660.287.004.501)	(13.042.922.207)	(1.673.329.926.708)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 19.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Một số số liệu năm trước đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

KẾ TÍNH TOÁN VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.334 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.150 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	
		Năm nay	(Điều chỉnh lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.000.264.509.748	1.906.859.237.853
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.255.339.064.638)	(2.053.958.691.976)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(35.380.026.926)	(16.719.648.776)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(43.456.221.855)	(34.766.264.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(333.910.803.671)	(198.585.366.999)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(421.641.339.970)	446.466.353.765
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.322.734.652.189	873.243.970.647
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	114.004.138	3.024.327.777
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	901.207.316.357	1.322.734.652.189

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(415.262.504.939)	60.191.192.088
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	118.477.796.885	118.423.144.220
Các khoản dự phòng	03	57.798.649.857	(233.198.214.268)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.678.122.754)	18.306.860.263
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.608.874.308)	31.123.320.706
Chi phí lãi vay	06	108.949.594.810	147.193.219.648
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(167.323.460.449)	142.039.522.657
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.492.910.668.917)	1.361.273.356.736
Thay đổi hàng tồn kho	10	221.154.529.409	772.558.510.552
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	646.116.471.680	(1.673.329.926.708)
Thay đổi chi phí trả trước	12	46.461.837.475	37.808.145.135
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	2.000.000.000	49.200.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(106.849.990.284)	(104.097.262.765)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.766.100.500)	(37.194.248.105)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	33.737.642.094	19.606.727.425
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.672.296.047)	(17.080.678.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(852.052.035.539)	550.784.146.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(14.311.385.273)	(119.989.381.277)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	239.397.978.338	76.355.878.204
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.501.073.836	44.535.361.369
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	469.903.175.773	51.965.534.169
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.830.656.566	41.400.181.965
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	764.321.499.240	94.267.574.430

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	3.822.648.495.401	9.209.868.604.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	53.388.234.033	57.942.803.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	3.769.260.261.368	9.151.925.800.433
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	3.722.594.950.906	8.801.260.690.751
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		46.665.310.462	350.665.109.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	89.483.323.901	61.209.159.649
7. Chi phí tài chính	22	35	148.238.876.032	99.998.848.722
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		108.949.594.810	147.193.219.648
8. Phần (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(22.881.802.014)	(26.096.758.775)
9. Chi phí bán hàng	25		11.408.498.238	9.383.437.277
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	392.088.823.574	223.367.351.172
11. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(438.469.365.495)	53.027.873.385
12. Thu nhập khác	31		63.731.579.005	58.370.904.307
13. Chi phí khác	32		40.524.718.449	51.207.585.604
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		23.206.860.556	7.163.318.703
15. Tổng (lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(415.262.504.939)	60.191.192.088
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	4.771.485.794	24.100.361.736
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	38	(3.713.159.129)	(2.122.215.234)
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(416.320.831.604)	38.213.045.586
18.1. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(398.488.693.420)	56.651.550.025
18.2. (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(17.832.138.184)	(18.438.504.439)
19. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39		133


Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

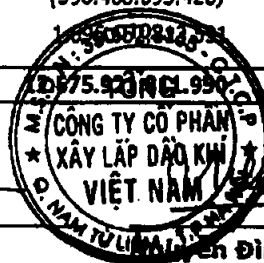
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Điều chỉnh lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.188.426.906.063	9.964.251.427.414
I. Nợ ngắn hạn	310		9.807.745.007.914	9.234.349.657.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	4.130.099.757.852	3.560.247.554.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	1.580.661.256.598	1.619.940.706.320
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	81.927.579.550	67.993.541.863
4. Phải trả người lao động	314		79.950.517.783	197.907.930.723
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	893.570.796.615	758.829.785.584
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.089.272.868	6.133.789.762
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26	815.746.816.352	841.914.755.189
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	2.181.042.132.571	2.143.915.469.003
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		31.242.285.445	22.264.561.839
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.414.592.280	15.201.561.937
II. Nợ dài hạn	330		380.681.898.149	729.901.770.294
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	23	-	25.746.739.422
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	25	76.274.713.661	143.012.483.345
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		85.034.871.116	82.881.654.494
4. Phải trả dài hạn khác	337	26	31.586.093.956	26.698.001.467
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28	159.741.704.915	413.785.724.965
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.346.758.898	5.512.212.522
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342		23.697.755.603	32.264.954.079
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.487.494.905.887	2.934.911.080.221
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.487.494.905.887	2.934.911.080.221
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	29	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	29	6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	29	3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415	29	(2.862.805.993)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	29	159.309.333.368	155.271.048.744
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	29	-2.162.412.232	-2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421	29	(3.377.661.842.977)	(2.989.315.436.396)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.979.173.149.557)	(3.045.966.986.421)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(398.488.693.420)	56.651.550.025
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.960.000.000.000	1.759.760.865.908
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		12.875.970.199.930	12.899.162.507.635


 Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu


 Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Đình Thế
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Điều chỉnh lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.093.370.456.916	3.637.504.952.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		297.964.292.714	308.185.539.729
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	85.858.228.479	101.875.219.012
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	17.467.605.733	24.033.001.805
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	211.137.663.258	182.277.318.912
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(16.499.204.756)	-
II. Tài sản cố định	220		1.549.223.075.882	1.717.350.616.198
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.169.965.640.132	1.280.595.928.318
- Nguyên giá	222		1.797.911.499.866	1.891.764.240.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(627.945.859.734)	(611.168.312.340)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	96.147.947.806	41.190.085.739
- Nguyên giá	225		128.549.926.310	61.697.903.279
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(32.401.978.504)	(20.507.817.540)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	283.109.487.944	395.564.602.141
- Nguyên giá	228		304.686.091.684	417.487.731.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.576.603.740)	(21.923.129.761)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	137.279.006.780	141.271.968.485
- Nguyên giá	231		152.746.544.839	153.023.623.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.467.538.059)	(11.751.655.362)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	17	608.371.065.992	821.303.668.209
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.590.443.244	26.886.776.699
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		582.780.622.748	794.416.891.510
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		117.240.356.841	173.635.643.008
1. Đầu tư vào công ty con	251	18	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	19	63.548.396.408	115.920.818.601
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20	220.077.968.199	220.077.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(166.386.007.766)	(162.363.143.792)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		383.292.658.707	475.757.517.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	189.513.251.360	232.385.810.198
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		44.187.278.198	41.639.572.694
3. Tài sản dài hạn khác	268		136.950.943.385	182.950.943.385
4. Lợi thế thương mại	269	21	12.641.185.764	18.781.190.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.675.921.811.950	12.899.162.507.635

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.582.551.355.034	9.261.657.554.872
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	901.207.316.357	1.322.734.652.189
1. Tiền	111		557.481.485.839	691.965.065.580
2. Các khoản tương đương tiền	112		343.725.830.518	630.769.586.609
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	102.202.105.711	102.679.389.636
1. Chứng khoán kinh doanh	121		157.948.845.000	159.948.845.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(119.510.253.500)	(124.185.515.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		63.763.514.211	66.916.059.636
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.511.011.069.891	2.583.590.804.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.471.013.803.399	1.492.789.798.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	909.639.908.259	1.004.660.980.659
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		21.771.650.284	46.228.857.416
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	536.567.630.118	538.767.630.118
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	815.276.463.651	682.285.439.123
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.244.855.230.599)	(1.184.051.396.052)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.596.844.779	2.909.495.185
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.892.745.226.385	5.093.751.430.419
1. Hàng tồn kho	141		4.934.645.612.171	5.154.503.808.125
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.900.385.786)	(60.752.377.706)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		175.385.636.690	158.901.277.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	7.229.546.515	14.773.671.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		94.652.481.016	84.163.572.126
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	47.250.213.659	33.710.638.981
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	26.253.395.500

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 50 tỷ VND (trong tổng số tiền thuần 46 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này được đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo tài chính số 977/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



Đặng Thị Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

50
1 HU
IT
VA
TP

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất (số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016) liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 3.378 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: lỗ lũy kế khoảng 2.989 tỷ VND), dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 295 tỷ VND và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh cho một số công ty với số tiền lần lượt khoảng 504,1 tỷ VND và khoảng 237,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được cho vay, được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay và giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các khoản công nợ tiềm tàng này do giá trị của các nghĩa vụ nợ này không được xác định một cách đáng tin cậy.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt: (1) việc chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, (2) các giá trị phát sinh chưa lường hết của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và (3) phương án xử lý dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc đang tạm dừng thi công từ năm 2011. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 37,2 tỷ VND và khoảng 16,6 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng, cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm khoản mục "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tòa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã ra quyết định buộc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Công ty con của Tổng Công ty phải có trách nhiệm trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (OceanBank Cà Mau) số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu đang trong quá trình cưỡng chế thi hành án vụ án này bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Tòa nhà Bạc Liêu Tower. Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của Tòa nhà Bạc Liêu Tower nên không trích lập/hoàn nhập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng và giữ nguyên số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như số đầu năm. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của Tòa nhà Bạc Liêu Tower nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 với giá gốc và giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần lượt là khoảng 26,6 tỷ VND và 13,3 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án trên đang trong quá trình chuyển đổi chủ đầu tư và Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các bên liên quan để quyết toán Dự án. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Số: 957 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2018, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với tổng tài sản là khoảng 671 tỷ VND, nợ phải trả là khoảng 621,1 tỷ VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là khoảng 12,2 tỷ VND. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ phải trả ngắn hạn của PVC-Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 310,3 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 201,9 tỷ VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. Giá định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của giá định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

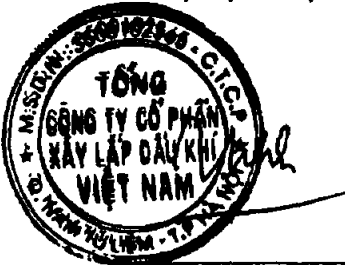
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thăng	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Phạm Cương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2017)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018)



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 57

00112500
CÔNG T
H NHIỆM HỮ
ELOITT
IỆT NAI
7 BA - TP.

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



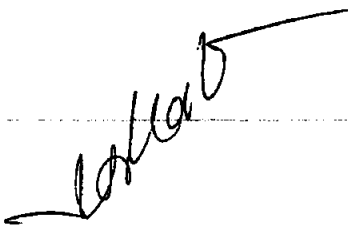
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tái cơ cấu PVC, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS).

Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và thanh lý hết chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.



Vũ Thị Chăm
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Đinh Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN đã ký Phụ lục bổ sung số 26 điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949 triệu USD và 10.710 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 951 triệu USD và 11.044 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,2%. Đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng năm 2017 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã hạch toán giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên và doanh thu đã ghi nhận.

Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol-nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc ("Dự án") với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Dự án đã tạm dừng thi công từ năm 2011 và đang được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét phương án xử lý. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định chính thức về phương án xử lý Dự án này. Theo đó, báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016 (như trình bày tại Thuyết minh số 33).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thẩm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP nên nghĩa vụ phải trả của Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh này sẽ chưa phát sinh, vì vậy, Tổng Công ty chưa phải thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu và phải trả. Kết quả của các vụ kiện này là chưa xác định được. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ các vụ kiện này.

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho OceanBank, và PVC-SG sẽ trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho OceanBank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại OceanBank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho OceanBank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của OceanBank. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2017, PVC-SG đã trả được 17,2 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.

- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntn/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh ở thời điểm hiện tại.

- Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn" và (ii) thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định "nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách". Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,9 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,99%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá mức dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính riêng này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 976/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

38. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND	Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			237.855.091.994	237.855.091.994	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên các báo cáo tài chính riêng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	548.286.131.726	756.015.115.843
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	125.002.595.266	211.433.784.998
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.366.745.771	56.974.777.229
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	56.369.073.444	109.460.995.366
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	36.177.980.208	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	29.788.835.106	14.926.735.258
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	24.849.095.913	5.651.621.072
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	17.692.708.474	19.031.307.373
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	8.517.537.609	10.012.853.448
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6.127.928.326	935.326.068
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	6.105.486.022	7.971.493.776
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	1.474.480.220	4.223.800.294
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	563.775.631	7.263.312.671
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	94.436.777.545
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	-	36.442.441.009
Phải trả phải nộp khác	73.543.485.963	59.177.617.470
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.038.464.510	54.038.464.510
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.312.967.326	
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.006.898.799	3.006.898.799
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.539.119.390	1.540.991.936
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	296.648.339	2.084.224
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	246.912.611	556.667.784
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	102.474.988	12.226.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	20.283.417
Các khoản cho vay ngắn hạn	433.124.018.658	463.124.018.658
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	30.587.520.000	60.587.520.000
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	22.623.638.889

00112
CÔNG
CHÍNH
VIỆT
ĐÀ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán	417.568.382.323	593.170.210.455
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.941.703.158
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	63.970.266.279	46.512.305.400
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	88.776.819.553
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	42.338.586.786	80.870.842.350
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	39.671.633.609	17.338.948.678
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	37.823.783.864	58.650.060.129
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	29.334.757.349
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	17.643.408.954	-
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.469.783.726	13.597.949.330
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	95.918.815.239
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	1.900.781.522
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	-	37.133.989.664
Người mua trả tiền trước	94.659.892.726	191.999.244.226
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	4.795.814.624	4.795.814.624
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	1.511.371.169	7.918.751.144
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	117.255.185	117.255.185
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	169.639.222
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	-	90.762.332.303

TR
 1
 00

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.107.336.482.359	375.584.856.800
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	744.018.661.482	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.988.431.965	93.820.679.496
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	85.997.410.646	86.719.910.935
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	62.976.379.594	26.804.068.806
Viện Dầu khí Việt Nam	49.835.403.218	49.835.403.218
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.954.922.130	22.954.922.130
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	15.232.805.676	30.293.284.236
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.928	9.446.793.928
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.465.459.814	7.465.459.814
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.164.741.750	1.433.134.455
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	480.249.819	70.349.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	424.592.369	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	320.503.043	1.086.216.356
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	232.554.484	1.004.933.419
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	150.700.000	71.500.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	2.308.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	3.698.220.478
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	2.437.493.528
Phải thu khác	149.173.837.306	176.163.695.602
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	34.965.989.605	43.423.560.320
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	25.288.310.291	23.260.532.513
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	18.693.065.414	16.873.946.500
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	11.277.038.359	15.704.792.955
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	7.269.308.458	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.907.965.832	7.823.660.838
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6.653.182.890	29.477.803.237
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	2.008.154.052
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.950.360.251	1.946.331.244
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	231.828.680	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	51.857.616	51.585.369
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	46.537.030	788.233.543
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	12.848.330	11.034.559
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.948.624	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.285.959	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	910.000	486.494.897

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	1.826.887.706.509	6.508.472.779.219
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.777.435.343.090	6.409.235.686.404
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	40.015.766.411	10.991.352.072
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	5.841.247.539	39.373.262
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.139.234.376	1.572.848.682
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	561.565.103	3.525.560.935
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	520.217.823	1.265.465.913
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	525.120.414	135.505.259
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	478.593.925	150.655.415
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	369.138.640	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	1.479.188	2.368.259.909
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	-	75.755.395.762
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	1.249.003.036
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	1.136.415.633
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	547.256.937
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	500.000.000
Mua hàng	418.073.780.937	980.573.488.433
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	148.640.034.200	243.065.757.313
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	96.134.340.132	17.296.293.173
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	55.597.850.131	237.615.242.591
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	35.427.061.726	37.835.349.720
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	23.084.282.352	28.150.695.930
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	18.717.287.874	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	15.474.138.681	140.407.471.940
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	12.178.113.815	22.081.171.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	11.390.108.383	11.627.868.681
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.430.563.643	10.535.398.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	217.409.667.466
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	8.369.819.809
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	4.642.146.377
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	-	1.536.605.007
Cổ tức được nhận trong năm	41.535.747.900	9.776.214.900
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	39.759.892.900	9.175.359.900
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.175.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	600.855.000	600.855.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.903.093.760	6.757.245.558



37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí (PVE)	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCBank)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Công ty con
Công ty cổ phần Bất động sản Xây lắp dầu khí Thanh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Công ty liên kết

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(367.069.440.180)	137.072.178.711
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	(41.535.747.900)	(106.463.527.403)
- Hoàn nhập dự phòng bảo lãnh	-	(99.912.312.503)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.535.747.900)	(6.551.214.900)
Cộng:	5.916.842.664	6.501.910.357
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.119	5.827.268.119
- Chi phí không được khấu trừ	89.574.545	674.642.238
Lỗ chịu thuế	(402.688.345.416)	37.110.561.665
Lỗ mang sang	-	(37.110.561.665)
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	-	177.575.538
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	177.575.538
b) (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (1)	(1.165.453.624)	(1.864.725.797)

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- (1) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại là phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận liên quan đến việc đánh giá lại quyền sử dụng đất tại thời điểm cổ phần hóa các công ty con trong năm 2010.

12:
IG
EM
JIT
N.
- TI
||

12:
IG
EM
JIT
N.
- TI
||

33. CHI PHÉ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	65.259.513.660	(66.329.390.469)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	8.813.283.787	63.363.209.983
Phí bảo lãnh, phí ủy thác	6.481.603.833	-
Chi phí lãi vay	4.756.921.382	6.681.156.015
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	372.522.475	36.558.440.000
(Hoàn nhập) dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	-	(99.912.312.503)
Chi phí tài chính khác	874.011.244	1.641.470.143
	<u>86.557.856.381</u>	<u>(57.997.426.831)</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 38, trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát các thư bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng và đánh giá 01 thư bảo lãnh đã có sự thay đổi nghĩa vụ bảo lãnh. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của thư bảo lãnh này với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND.

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lương	64.839.656.581	113.366.547.968
Chi phí vật liệu quản lý	843.849.371	1.635.759.228
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.007.624.835	1.631.698.235
Chi phí khấu hao	3.639.568.406	3.727.199.080
Thuế, phí, lệ phí	901.983.177	1.580.568.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.099.704.146	26.002.224.853
Chi phí dự phòng	26.701.174.916	(143.790.485.109)
Chi phí khác bằng tiền	14.241.033.919	23.770.223.515
	<u>134.274.595.351</u>	<u>27.923.735.774</u>

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	743.557.185.436	3.182.642.769.437
Chi phí nhân công	93.328.351.942	152.547.601.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.794.096.990	10.257.351.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.285.456.847.061	2.673.260.082.593
Chi phí dự phòng	27.901.174.916	(143.265.035.913)
Chi phí khác bằng tiền	15.143.017.096	23.770.223.515
	<u>2.174.180.673.441</u>	<u>5.899.212.993.079</u>

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Đơn vị</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.040.033	10.247.778
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.144.537.728.839	7.025.153.894.935
Doanh thu bán hàng	1.264.714.045	4.246.495.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.045.402.092	16.004.531.086
	2.159.847.844.976	7.045.404.921.805
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.159.847.844.976	7.045.404.921.805
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	1.826.887.706.509	6.508.472.779.219

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.354.160.653.008	6.969.974.332.236
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.719.134.212	5.137.719.299
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.443.574.305	14.247.266.231
	2.371.323.361.525	6.989.359.317.766

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.535.747.900	6.551.214.900
Lãi tiền gửi	11.744.690.168	12.741.001.306
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.349.387.094	31.805.052.937
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.990.000	-
	57.631.815.162	51.097.269.143

11/01/2011 15:16:11

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.903.794.700	3.156.701.700
Trong năm thứ hai	568.786.803	1.903.784.708
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	568.796.795
	2.472.581.503	5.629.283.203
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.903.794.700	3.156.701.700
Số phải trả sau 12 tháng	568.786.803	2.472.581.503

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.026.265.140.599)	1.051.192.142.135
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	138.759.328.970	138.759.328.970
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(2.887.505.811.629)	1.189.951.471.105
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(365.903.986.556)	(365.903.986.556)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.253.409.798.185)	824.047.484.549

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	Giá trị VND			Giá trị VND	Giá trị VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	5.629.283.203	5.629.283.203	-	3.156.701.700	2.472.581.503	2.472.581.503
	960.663.265.186	960.663.265.186	-	3.156.701.700	957.506.563.486	957.506.563.486
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	958.190.683.683				958.190.683.683	
Số phải trả sau 12 tháng	2.472.581.503				568.786.803	

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để gia hạn khoản vay nói trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	995.733.981.983	955.033.981.983
	995.733.981.983	955.033.981.983
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	995.733.981.983	955.033.981.983
Số phải trả sau 12 tháng	-	-

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	61.573.742.315	-	20.873.742.315	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	20.873.742.315	-	20.873.742.315	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 27)	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 27)	3.156.701.700	1.903.794.700	3.156.701.700	1.903.794.700
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	3.156.701.700	1.903.794.700	3.156.701.700	1.903.794.700
	1.019.764.425.998	1.903.794.700	24.030.444.015	997.637.776.683

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.782.157 VND). Tổng Công ty đã khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.782.157 VND. Báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	475.788.411.178	318.392.344.388
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	474.864.450.004	314.102.496.644
Chi phí phải trả khác	923.961.174	4.289.847.744
b) Dài hạn	71.064.369.884	72.178.785.046
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	72.178.785.046
	546.852.781.062	390.571.129.434

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	105.560.173.528	95.877.090.099
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.038.464.510	54.098.464.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long (iv)	5.533.782.157	5.533.782.157
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	29.251.650.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	34.568.749.472	37.798.346.074
	366.895.599.158	331.250.462.331
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	73.543.485.963	59.177.617.470

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chưa bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 38.
- (ii) Khoản phải trả OceanBank thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 27.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.
- (iv) Phản ánh lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	329.996.787.319	410.874.564.689
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	-	90.762.332.303
Các đối tượng khác	22.267.930.308	75.327.690.222
	435.043.193.526	659.743.063.113
<i>Trong đó:</i>		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 37)	94.659.892.726	191.999.244.226

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	<u>Phát sinh trong năm</u>			Số cuối năm VND
	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải thu/ phải nộp</u> VND	<u>Số đã thu/đã nộp/bù trừ</u> VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.030.909	-	1.030.909	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	397.430	-	-	397.430
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế xuất nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Các loại thuế khác	4.088.208	-	3.304.488	783.720
	21.281.327.535	-	4.335.397	21.276.992.138
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	177.345.997	3.396.594.940	1.171.745.882	2.402.195.055
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	88.225.966.220	88.225.966.220	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.739.353.776	8.739.353.776	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.815.331.785	3.197.195.553	3.756.266.379	1.256.260.959
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	1.759.957.305	1.525.801.658	234.155.647
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Các loại thuế khác	-	165.249.097	165.249.097	-
	1.992.677.782	105.491.316.891	103.591.383.012	3.892.611.661

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Đầu tư dài hạn khác	257.059.968.199	162.005.839.785	257.059.968.199	163.280.514.262
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	2.021.564.048	48.700.000.000	1.797.007.726
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC) (**)	23.500.000.000	11.196.028.937	23.500.000.000	11.196.028.936
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	2.987.477.600
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2) (**)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4) (**)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Tổng cộng	2.998.065.949.650	1.510.433.163.754	3.028.072.949.650	1.441.202.848.594

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 31,8 tỷ VND và khoảng 11,2 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty xác định dự phòng đầu tư tài chính dài hạn căn cứ vào báo cáo tài chính gần nhất chưa được kiểm toán của các công ty này mà Tổng Công ty thu thập được. Báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.864.777.111.251	1.322.246.297.672
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	241.460.165.102	462.201.428.023
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Tập đoàn Sojitz	175.100.606.380	142.087.160.592
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	125.002.595.266	211.433.784.998
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	56.369.073.444	109.460.995.366
Các đối tượng khác	739.113.447.343	743.934.456.643
	3.378.885.580.703	3.168.426.705.211
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	548.286.131.726	756.015.115.843

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

(*) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) với số tiền khoảng 163 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 310,3 tỷ VND; lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 201,9 tỷ VND. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện trên.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư vào công ty liên kết	754.799.467.055	696.034.445.057	784.806.467.055	675.461.092.380
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lập Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	83.271.467.055	83.271.467.054	83.271.467.055	83.271.467.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lập Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	77.400.000.000	30.193.178.407	77.400.000.000	27.994.047.969
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lập Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	47.271.252.091	57.000.000.000	40.125.206.343
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lập Dầu khí Nghệ An (PVNC)	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000	45.311.407.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	-	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	20.000.000.000	18.026.951.968
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link)	3.500.000.000	1.670.547.505	3.500.000.000	1.492.011.992

25
G
M
T
N
P

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu
		VND	%	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
8	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		257.059.968.199		257.059.968.199	

20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con	1.986.206.514.396	652.392.878.912	1.986.206.514.396	602.461.241.952
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	367.502.605.998	69.759.658.493	367.502.605.998	46.186.477.927
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	325.000.000.000	109.435.329.741	325.000.000.000	106.705.788.313
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	286.227.385.833	-	286.227.385.833	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) (*)	203.793.940.000	163.039.207.479	203.793.940.000	156.956.765.894
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	200.000.000.000	24.739.477.256	200.000.000.000	25.423.072.183
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Dồng Đô)	195.150.582.565	59.596.138.818	195.150.582.565	52.420.306.717
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	153.000.000.000	21.950.469.158	153.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	102.000.000.000	50.340.597.967	102.000.000.000	61.236.830.918

J01
 :ON
 HNH
 3/1
 ET
 3
 DA

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
11	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (I)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD) (II)	Hà Nội	-	30.000.000.000	0%	0%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
			754.799.467.055	784.906.467.055			

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.
- (ii) Trong năm, Tổng công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD).

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (1)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (1)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			1.986.206.514.396	1.986.206.514.396			

- (1) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại PVC-Petroland và PVC-Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng công ty.

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm (i)	44.979.542.937	-
- Xây dựng cơ bản	133.692.166.731	134.549.792.056
Trong đó:		
<i>Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	127.973.080.823	127.973.080.823
<i>Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí</i>	3.883.984.985	3.883.984.985
<i>Các công trình khác</i>	1.835.100.923	2.692.726.248
	178.671.709.668	134.549.792.056

- (i) Trong năm, Tổng Công ty nhận chuyển nhượng tài sản cố định từ Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) với giá trị lần lượt là khoảng 30,9 tỷ VND và 13,6 tỷ VND. Tổng Công ty đang lên phương án chuyển nhượng các tài sản này cho các đơn vị thành viên hoặc lắp đặt, sửa chữa đưa vào sử dụng.
- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.652.380.340
Số dư cuối năm	4.652.380.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.652.380.340
Trích khấu hao trong năm	-
Số dư cuối năm	4.652.380.340
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.652.380.340 VND).

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi VND</u>	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi VND</u>
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (I)	26.634.279.956	13.317.139.978	26.634.279.956	13.317.139.978
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.280.083.636	900.000.000	13.480.083.636	2.100.000.000
Các công trình khác	11.436.734.433	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
	76.110.423.237	24.997.663.020	77.310.423.237	26.197.663.020

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để thực hiện quyết toán dự án.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	32.194.358.803	6.735.787.981	30.998.696.703	14.508.566.145	84.437.409.632
Số dư cuối năm	32.194.358.803	6.735.787.981	30.998.696.703	14.508.566.145	84.437.409.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	13.329.159.097	3.867.326.096	23.968.081.744	14.108.218.350	55.272.785.287
Trích khấu hao trong năm	2.619.142.020	1.458.315.167	2.978.145.725	149.040.138	7.204.643.050
Phân loại lại	(10.734.318)	281.328.055	970.465	(271.564.202)	-
Số dư cuối năm	15.937.566.799	5.606.969.318	26.947.197.934	13.985.694.286	62.477.428.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	18.865.199.706	2.868.461.885	7.030.614.959	400.347.795	29.164.624.345
Tại ngày cuối năm	16.256.792.004	1.128.818.663	4.051.498.769	522.871.859	21.959.981.295

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 31.581.954.854 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 30.019.313.119 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	18.676.108.182
Số dư cuối năm	18.676.108.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	7.991.376.192
Khấu hao trong năm	1.589.453.940
Số dư cuối năm	9.580.830.132
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	10.684.731.990
Tại ngày cuối năm	9.095.278.050

Y/1/1
JHA
E
M
HA

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.967.588.224	-	1.783.962.582	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	2.078.349.019.605	-	2.408.566.303.040	-
	2.080.316.607.829	-	2.410.350.265.622	-

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.720.037.256.949	2.098.457.348.542
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (II)	249.677.610.271	249.677.610.271
Các công trình khác	108.634.152.385	60.431.344.227
	2.078.349.019.605	2.408.566.303.040

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 39, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	243.682.193	643.471.158
	243.682.193	643.471.158
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng (I)	40.264.729.694	53.466.431.043
Chi phí dài hạn khác	903.523.563	1.429.591.954
	41.168.253.257	54.896.022.997

(i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH SanNam, Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà CEO số 16/2009/CEO Tower/CEO-CBRE ngày 10 tháng 11 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần C.E.O Quốc tế và Phụ lục số 03 của Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà Medianet số 500 HDTV/PVC-PVC MN ngày 01 tháng 04 năm 2015 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

10. NỢ XẤU

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	12.759.540.465	179.912.859.769	12.759.540.465
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	209.960.201.220	-	140.897.486.584	703.859.970
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	43.977.863.728	6.714.619.313	66.697.689.389	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.601.149.597	-	69.605.577.963	2.124.802.914
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	63.943.147.786	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.206.687.346	-	37.506.687.346	-
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	64.348.845.580	19.475.097.941	33.038.323.852	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.394.484.099	-	30.495.439.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	1.250.000.000	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	-	23.430.495.547	1.200.720.338
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	332.296.404	18.265.262.039	663.532.019
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	10.807.785.000	3.242.335.500	15.704.792.955	3.242.335.500

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	364.968.423.896	434.275.248.935
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	86.735.664.511	105.463.968.095
- Ký cược, ký quỹ	47.963.935.736	70.044.067.535
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	42.328.848.975
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.158.775.000	24.579.464.014
- Phải thu ngắn hạn khác	123.547.421.518	145.625.122.160
b) Dài hạn	85.387.351.252	55.393.916.889
- Ký cược, ký quỹ	85.387.351.252	55.393.916.889
	450.355.775.148	489.669.165.824
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	149.173.837.306	176.163.695.602

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

B. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (1)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (1)	179.912.859.769	167.153.319.304	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (1)	101.620.000.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland) (1)	30.587.520.000	-	60.587.520.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) (1)	22.623.638.889	10.474.032.816	22.623.638.889	10.474.032.816
Cộng	534.744.018.658	301.983.502.123	564.744.018.658	301.983.502.123
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Tổng cộng	545.741.688.393	312.981.171.858	575.741.688.393	312.981.171.858
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	433.124.018.658	301.983.502.123	463.124.018.658	301.983.502.123

- (1) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 06 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi của các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh	150.668.065.000	119.510.253.500	152.668.065.000	123.481.055.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	136.068.065.000	105.625.253.500	136.068.065.000	109.596.055.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	-	-	2.000.000.000	-
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	62.263.514.211	-	58.916.059.636	-

(1) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo, lãi suất 5,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	744.018.661.482	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.988.431.965	93.820.679.496
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	85.997.410.646	86.719.910.935
Tổ hợp nhà thầu JGCS	-	79.155.008.218
Ban Quản lý các dự án đường thủy	-	49.602.076.008
Các khoản khác	283.891.658.575	288.822.340.629
	1.206.896.162.668	625.353.122.976
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	1.107.336.482.359	375.584.856.800

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	138.560.634.501
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.941.703.158
FLSmidth Wadgassen	19.119.176.116	69.202.792.277
Các khoản khác	672.212.166.516	806.873.096.581
	913.583.141.149	1.123.578.226.517
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	417.568.382.323	593.170.210.455

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	948.887.350	1.088.501.990
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	405.992.413.761	490.508.726.583
Các khoản tương đương tiền (ii)	101.973.451.008	122.973.451.008
	<u>508.914.752.119</u>	<u>614.570.679.581</u>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm số tiền khoảng 26,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 24,2 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 57,8 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

VIỆT NAM
100
100

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

	<u>Năm nay</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>(Số năm)</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty)

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ phải trả ngắn hạn của PVC-Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 310,3 tỷ VND và lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 201,9 tỷ VND; một số khách hàng mua căn hộ tại Dự án chung cư Petrovietnam Landmark do PVC-Land làm chủ đầu tư đã tiến hành khởi kiện PVC-Land vì chậm bàn giao căn hộ. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán của PVC-Land, với tổng tài sản là khoảng 671 tỷ VND, nợ phải trả là khoảng 621,1 tỷ VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là khoảng 12,2 tỷ VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty)

Trong năm 2016, Petroland ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (Đất Xanh). Các thủ tục chuyển nhượng cổ phần hoàn thành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tuy nhiên, Petroland đã xác định Thăng Long không còn là công ty con của Petroland tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Petroland. Vấn đề này được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty quyết định ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ vốn cổ phần của Petroland tại Thăng Long theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã phát hành trước đây (như trình bày tại Thuyết minh số 1). Đồng thời, Tổng Công ty ghi nhận vào chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 nghiệp vụ lãi chuyển nhượng vốn cổ phần của Petroland tại Thăng Long cho Đất Xanh với số tiền khoảng 53,5 tỷ VND (như trình bày tại Thuyết minh số 34).

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ giàn giáo cốp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cốp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cốp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

250
G
M
T
N
F

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	4.439.529.964	17.882.095.861
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	553.041.955.875	674.082.969.719
Các khoản tương đương tiền (ii)	343.725.830.518	630.769.586.609
	901.207.316.357	1.322.734.652.189

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm số tiền khoảng 27,5 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 104,4 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
a) Chứng khoán kinh doanh	157.948.845.000	119.510.253.500	159.948.845.000	124.185.515.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	136.068.065.000	105.625.253.500	136.068.065.000	109.596.055.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
<i>Khác</i>	7.280.780.000	-	9.280.780.000	704.460.000
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	63.763.514.211	-	66.916.059.636	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	63.763.514.211	-	66.916.059.636	-

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Điều chỉnh lại) VND
a) Ngắn hạn	2.471.013.803.399	1.492.789.798.239
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 40)	1.181.812.115.344	503.072.124.964
Ban quản lý dự án công trình DK I	444.123.134.999	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	138.868.376.010	95.327.593.432
Tổ hợp nhà thầu JGCS	-	111.994.623.648
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	706.210.177.046	782.395.456.195
b) Dài hạn	85.858.228.479	101.875.219.012
Phải thu các khách hàng mua dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	83.104.198.671	101.126.029.012
Phải thu khách hàng dài hạn khác	2.754.029.808	749.190.000
	2.556.872.031.878	1.594.665.017.251

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	909.639.908.259	1.004.660.980.659
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	138.560.634.501
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.941.703.158
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	46.897.783.403	88.776.819.553
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	64.715.219.418	73.763.941.244
FLSmidth Wadgassen	19.119.176.116	69.202.792.277
Các nhà cung cấp khác	556.655.930.805	525.415.089.926
b) Dài hạn	17.467.605.733	24.033.001.805
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	8.745.337.557	9.145.337.557
Các nhà cung cấp khác	8.722.268.176	14.887.664.248
	927.107.513.992	1.028.693.982.464

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	179.912.859.769	167.153.319.304	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	22.623.638.889	10.474.032.816	22.623.638.889	10.474.032.816
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	21.413.461.725	21.413.461.725	23.613.461.725	23.613.461.725
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
	536.567.630.118	334.394.633.583	538.767.630.118	336.594.633.583

- (i) Số dư phải thu, với tổng số tiền khoảng 504,1 tỷ VND, về cho vay các công ty này thể hiện a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi của các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Điều chỉnh lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	815.276.463.651	682.285.439.123
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	142.458.825.085	139.436.204.800
- Ký cược, ký quỹ	54.653.174.502	81.639.403.257
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	42.328.848.975
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	147.494.400.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	382.107.436.933	372.647.203.935
b) Dài hạn	211.137.663.258	182.277.318.912
- Ký cược, ký quỹ	148.087.552.630	122.109.983.607
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (iii)	57.000.000.000	57.000.000.000
- Phải thu dài hạn khác	6.050.110.628	3.167.335.305
	1.026.414.126.909	864.562.758.035

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 41).
- (iii) Khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng hợp tác số 98/HĐHT/PVC-PVCLand ngày 31 tháng 12 năm 2010 giữa PVC-Land và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí - PVL) về việc hợp tác triển khai dự án tại Công ty Cổ phần Nghiên cứu Dầu khí Miền Nam.

10. NỢ XẤU

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	272.424.984.101	27.683.593.484	286.989.556.168	35.700.402.512
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	209.960.201.220	-	140.897.486.584	703.859.970
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	86.425.736.552	15.168.113.424	86.425.736.552	16.445.144.693
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	54.008.596.946	6.714.619.313	76.728.422.607	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	63.943.147.786	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.601.149.597	-	69.605.577.963	2.124.802.914
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	64.348.845.580	19.475.097.941	33.038.323.852	-
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.206.687.346	-	37.506.687.346	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.394.484.099	-	30.495.439.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	22.413.461.725	-	23.613.461.725	-
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	-	-	-	-

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.903.082.308	1.212.125.679	68.939.115.794	421.623.000
Công cụ, dụng cụ	8.369.818.207	112.886.280	7.898.507.170	120.346.280
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	4.513.883.698.443	6.272.008.581	4.724.523.291.083	25.907.043.180
Thành phẩm	8.678.452.288	-	8.836.711.146	-
Hàng hoá	21.969.692	-	9.215.391	-
Hàng hoá bất động sản	356.788.591.233	34.303.365.246	344.296.967.541	34.303.365.246
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (ii)	217.748.615.422	(34.303.365.246)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
	4.934.645.612.171	41.900.385.786	5.154.503.808.125	60.752.377.706

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Điều chỉnh lại) VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	2.017.042.866.083	2.319.013.631.372
Dự án chung cư PetroVietnam Landmark	1.120.981.581.767	1.045.264.907.823
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	496.303.641.195	289.791.884.059
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	254.957.154.476	257.059.591.861
Chung cư cao cấp Mỹ Phú, thành phố Hồ Chí Minh	133.527.933.219	118.954.513.064
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	55.526.571.357
Các công trình khác	491.070.521.703	638.912.191.547
	4.513.883.698.443	4.724.523.291.083

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 42, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

- (ii) Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"). Như trình bày tại Thuyết minh số 27, Tổng Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (OceanBank Cà Mau).

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tòa nhà Bạc Liêu Tower nên không trích lập/hoàn nhập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng và giữ nguyên số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như số đầu năm.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.200.315.565	9.350.586.262
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.029.230.950	5.423.085.071
	7.229.546.515	14.773.671.333
b) Dài hạn		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	92.591.016.684	94.683.469.032
Chi phí trả trước về thuê văn phòng (i)	40.264.729.694	53.517.431.046
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	8.867.756.830	30.813.101.958
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản	41.061.565.059	41.061.565.059
Lợi thế kinh doanh	869.610.412	1.599.251.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.858.572.681	10.710.992.103
	189.513.251.360	232.385.810.198

(i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH SanNam, Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà CEO số 16/2009/CEO Tower/CEO-CBRE ngày 10 tháng 11 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần C.E.O Quốc tế và Phụ lục số 03 của Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà Medianet số 500 HDTV/PVC-PVC MN ngày 01 tháng 04 năm 2015 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	1.275.575.286.705	342.960.321.386	233.660.468.581	39.568.163.986	1.891.764.240.658
Mua sắm mới	8.014.159.907	1.633.284.009	827.718.182	205.106.696	10.680.268.794
Tặng từ bất động sản đầu tư, hàng tồn kho	43.633.060.349	-	-	-	43.633.060.349
Thanh lý, nhượng bán	(821.136.395)	(133.546.788.714)	(11.716.468.875)	(883.506.857)	(146.967.900.841)
Phân loại lại	-	64.863.171.243	(64.863.171.243)	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.271.732.705)	-	-	-	(1.271.732.705)
Tặng/(Giảm) khác	8.986.338	31.850.000	-	32.727.273	73.563.611
Số cuối năm	1.325.138.624.199	275.941.837.924	157.908.546.645	38.922.491.098	1.797.911.499.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	210.980.688.919	195.966.132.479	168.293.460.737	35.928.030.205	611.168.312.340
Trích khấu hao trong năm	54.852.103.414	25.271.689.636	18.410.461.254	1.830.910.362	100.365.164.666
Thanh lý, nhượng bán	(199.767.787)	(68.074.491.994)	(10.986.446.510)	(883.506.857)	(80.144.213.148)
Phân loại lại	(228.609.723)	44.651.721.047	(44.651.721.047)	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.225.528.719)	281.328.055	970.465	(271.564.202)	(228.609.723)
Tặng/(Giảm) khác					(3.214.794.401)
Số cuối năm	262.178.886.104	198.096.379.223	131.066.724.899	36.603.869.508	627.945.859.734
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.064.594.597.786	146.994.188.907	65.367.007.844	3.640.133.781	1.280.595.928.318
Tại ngày cuối năm	1.062.959.738.095	77.845.458.701	26.841.821.746	2.318.621.590	1.169.965.640.132

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 390,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 412,9 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 235,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 186,7 tỷ VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	38.094.379.765	23.603.523.514	61.697.903.279
Thuê tài chính trong năm	66.852.023.031	-	66.852.023.031
Số cuối năm	104.946.402.796	23.603.523.514	128.549.926.310
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	12.516.441.348	7.991.376.192	20.507.817.540
Khấu hao trong năm	9.600.790.540	2.293.370.424	11.894.160.964
Số cuối năm	22.117.231.888	10.284.746.616	32.401.978.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	25.577.938.417	15.612.147.322	41.190.085.739
Tại ngày cuối năm	82.829.170.908	13.318.776.898	96.147.947.806

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử đung đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	399.191.509.520	18.266.222.382	30.000.000	417.487.731.902
Tăng do mua sắm		1.773.850.000	-	1.773.850.000
Thanh lý, nhượng bán	(112.285.814.715)	-	-	(112.285.814.715)
Giảm khác	(2.289.675.503)	-	-	(2.289.675.503)
Số cuối năm	284.616.019.302	20.040.072.382	30.000.000	304.686.091.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	5.710.986.163	16.182.143.598	30.000.000	21.923.129.761
Khấu hao trong năm	1.729.579.614	1.001.618.667	-	2.731.198.281
Thanh lý, nhượng bán	(47.997.019)	-	-	(47.997.019)
Giảm khác	(3.029.727.283)	-	-	(3.029.727.283)
Số cuối năm	4.362.841.475	17.183.762.265	30.000.000	21.576.603.740
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	393.480.523.357	2.084.078.784	-	395.564.602.141
Tại ngày cuối năm	280.253.177.827	2.856.310.117	-	283.109.487.944

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	146.297.470.839	6.726.153.008	153.023.623.847
Tăng trong năm	1.557.507.482	-	1.557.507.482
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	1.271.732.705	-	1.271.732.705
Phân loại lại	(6.976.987.269)	6.976.987.269	-
Giảm khác	(3.106.319.195)	-	(3.106.319.195)
Số cuối năm	139.043.404.562	13.703.140.277	152.746.544.839
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	11.499.441.560	252.213.802	11.751.655.362
Khấu hao trong năm	3.299.010.486	188.262.488	3.487.272.974
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	228.609.723	-	228.609.723
Số cuối năm	15.027.061.769	440.476.290	15.467.538.059
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	134.798.029.279	6.473.939.206	141.271.968.485
Tại ngày cuối năm	124.016.342.793	13.262.663.987	137.279.006.780

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	26.634.279.956	13.317.139.978	26.634.279.956	13.317.139.978
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.280.083.636	900.000.000	13.480.083.636	2.100.000.000
Các công trình, dự án khác	12.029.514.657	2.210.996.386	15.876.518.176	2.307.329.841
	76.703.203.461	25.590.443.244	81.750.206.980	26.886.776.699

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện thuộc các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để thực hiện quyết toán dự án.

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm (i)	44.941.477.038	1.280.411.282
- Xây dựng cơ bản	537.839.145.710	793.136.480.228
Trong đó:		
Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	241.740.864.291	239.226.180.716
Dự án Xuân Phương (ii)	171.586.901.684	171.546.391.924
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (iii)	103.079.136.232	103.079.136.232
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	-	156.235.275.606
Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình - P10 - TP Vũng Tàu	-	96.823.309.274
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	14.081.452.138	-
Các công trình, dự án khác	7.350.791.365	26.226.186.476
	582.780.622.748	794.416.891.510

- (i) Trong năm, Công ty mẹ Tổng Công ty nhận chuyển nhượng tài sản cố định từ Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) với giá trị lần lượt là khoảng 30,9 tỷ VND và khoảng 13,6 tỷ VND. Tổng Công ty đang lên phương án chuyển nhượng các tài sản này cho các đơn vị thành viên hoặc lắp đặt, sửa chữa đưa vào sử dụng.
- (ii) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.
- (iii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN ("Quyết định 7089/QĐ-DKVN"). Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao Dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (I)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, và hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 -2020 và Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch tái cơ cấu PVC, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo Nghị quyết trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2017 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện Nghị quyết và Quyết định nêu trên.

19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày cuối năm VND	Giá trị vốn góp tại ngày đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
3	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD) (I)	Hà Nội	-	30.000.000.000	0%	0%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (II)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	82.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
12	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			779.799.467.055	809.806.467.055			

(i) Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD).

(ii) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Petro-link là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	779.799.467.055	809.806.467.055
(Lỗ) lụy kế từ công ty liên kết	(716.251.070.647)	(693.885.648.454)
	63.548.396.408	115.920.818.601

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	3.257.619.228.655	4.340.129.965.786
Tổng công nợ	4.646.648.838.368	5.311.820.971.545
Tài sản thuần	(1.251.689.374.244)	(971.691.005.759)
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	63.548.396.408	115.920.818.601
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	186.752.723.629	943.210.418.465
(Lỗ) thuần	(111.126.121.110)	(140.654.749.099)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(22.881.802.014)	(26.096.758.775)

20. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Đầu tư dài hạn khác	Giá gốc		Dự phòng		Tỷ lệ phần sở hữu	
		VND	Dự phòng	VND	Dự phòng	%	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	15%	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (I)	23.500.000.000	11.196.028.936	23.500.000.000	11.196.028.936	16%	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-	15%	15%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	2.987.477.600	5%	5%
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC-Trường Sơn (I)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	4%	4%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (I)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-	5%	5%
7	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (I)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	10%	10%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí 3C (I)	5.400.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000	-	10%	10%
9	Các khoản đầu tư dài hạn khác	6.318.000.000	1.001.732.030	6.318.000.000	879.637.256		
		220.077.968.199	166.386.807.766	220.077.968.199	162.363.143.792		

(I) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lẫn lượt là khoảng 37,2 tỷ VND và khoảng 16,6 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty xác định dự phòng đầu tư tài chính dài hạn căn cứ vào báo cáo tài chính gần nhất chưa được kiểm toán của các công ty này mà Tổng Công ty thu thập được. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

21. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thể thương mại</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	64.493.904.711
Số cuối năm	<u>64.493.904.711</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	45.712.713.854
Phân bổ trong năm	6.140.005.093
Số cuối năm	<u>51.852.718.947</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số cuối năm	<u>12.641.185.764</u>
Số đầu năm	<u>18.781.190.857</u>

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</u>	
	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Công nghiệp DAELIM	1.864.777.111.251	1.338.738.026.388
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	241.460.165.102	462.201.428.023
Tập đoàn Sojitz	175.100.606.380	142.503.537.336
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	32.717.984.838	112.715.721.655
Các khoản khác	1.523.007.969.553	1.211.052.920.770
	<u>4.130.099.757.852</u>	<u>3.560.247.554.900</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i> <i>(xem tại Thuyết minh số 40)</i>	428.870.519.339	530.830.239.335

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP.

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.580.661.256.598	1.619.940.706.320
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	329.996.787.319	410.874.564.689
Ban quản lý dự án công trình DK I	-	296.673.955.001
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.391.415.199	202.767.223.619
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	255.976.170.028	-
Các đối tượng khác	894.296.884.052	709.624.963.011
b) Dài hạn	-	25.746.739.422
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	-	25.746.739.422
	1.580.661.256.598	1.645.687.445.742

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	<u>Phát sinh trong năm</u>			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải thu/nộp</u>	<u>Số đã thu/nộp/ bù trừ</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.667.791.561	15.489.001.220	5.350.791.561	43.806.001.220
Thuế thu nhập cá nhân	18.076.170	4.410.504.391	1.004.803.975	3.423.776.586
Các loại thuế khác	24.771.250	9.322.737.986	9.327.073.383	20.435.853
	33.710.638.981	29.222.243.597	15.682.668.919	47.250.213.659
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	38.520.829.450	115.503.438.227	107.312.399.877	46.711.867.800
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	88.225.966.220	88.225.966.220	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	8.739.353.776	8.739.353.776	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.500.907.022	1.156.616.598	1.277.099.280	9.380.424.340
Thuế thu nhập cá nhân	5.744.303.178	6.240.959.786	7.859.607.903	4.125.655.061
Tiền thuế đất	-	59.644.090.231	59.156.363.062	487.727.169
Thuế môn bài	114.251.072	23.000.000	137.251.072	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	31.320.935	1.905.460.371	1.702.625.659	234.155.647
Thuế khác	14.081.930.206	9.994.319.288	3.088.499.961	20.987.749.533
	67.993.541.863	291.433.204.497	277.499.166.810	81.927.579.550

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	893.570.796.615	758.829.785.584
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng ngắn hạn	493.119.819.402	528.323.128.640
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	335.839.009.035	209.767.516.896
Chi phí phải trả khác	64.611.968.178	20.739.140.048
b) Dài hạn	76.274.713.661	143.012.483.345
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng dài hạn	76.274.713.661	83.515.483.345
Chi phí lãi vay phải trả dài hạn	-	59.497.000.000
	969.845.510.276	901.842.268.929

26. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Điều chỉnh lại) VND
a) Ngắn hạn	815.746.816.352	841.914.755.189
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	158.268.480.000	-
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	105.560.173.528	95.877.090.099
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	73.586.151.463	64.948.464.837
Phải trả khách hàng mua căn hộ	67.160.853.035	80.564.917.526
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	25.724.619.549	74.861.169.699
Lãi vay phải trả	10.583.194.296	8.371.163.980
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	186.920.564.990	329.349.169.557
b) Dài hạn	24.065.021.400	26.698.001.467
Quý bảo trì các dự án chung cư	10.104.786.117	14.276.729.433
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	13.960.235.283	12.421.272.034

- (i) Số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chưa bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 41.

- (ii) Khoản phải trả OceanBank thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty được Tổng Công ty thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (xem Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 28.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (nếu)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (nếu)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	710.495.582.900	710.495.582.900	940.275.173.581	929.819.967.711	720.950.788.770	720.950.788.770
- Vay tại Công ty Mẹ	61.573.742.315	61.573.742.315	-	20.873.742.315	40.700.000.000	40.700.000.000
- Vay tại các công ty con	648.921.840.585	648.921.840.585	940.275.173.581	908.946.225.396	680.250.788.770	680.250.788.770
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)	1.421.211.029.539	1.421.211.029.539	334.207.977.154	323.707.034.634	1.431.711.972.059	1.431.711.972.059
- Vay tại Công ty Mẹ	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các công ty con	466.177.047.556	466.177.047.556	334.207.977.154	323.707.034.634	476.677.990.076	476.677.990.076
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)	12.208.856.564	12.208.856.564	33.166.235.770	16.995.720.592	28.379.371.742	28.379.371.742
- Nợ tại Công ty Mẹ	3.156.701.700	3.156.701.700	1.903.794.700	3.156.701.700	1.903.794.700	1.903.794.700
- Nợ tại các công ty con	9.052.154.864	9.052.154.864	31.262.441.070	13.839.018.892	26.475.577.042	26.475.577.042
	2.143.915.469.003	2.143.915.469.003	1.307.649.386.505	1.270.522.722.937	2.181.042.132.571	2.181.042.132.571

- (i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	237.662.586.145	87.503.772.381
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (*)	119.539.630.318	119.539.630.318
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	91.488.045.681	15.200.454.922
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	89.814.716.106	229.224.850.675
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	60.751.712.661	42.551.568.796
Ngân hàng TMCP Quân đội	11.000.236.247	10.188.228.335
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	61.400.012.277	28.376.949.982
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	102.257.618.556
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	49.293.849.335	75.652.508.935
	720.950.788.770	710.495.582.900

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) – Công ty con của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (OceanBank Cà Mau) với hạn mức là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được PVC-Mekong dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 11.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ("Tòa án") đã tuyên án bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương ("OceanBank"). Theo đó, Tòa án tuyên án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn OceanBank buộc PVC-Mekong phải có trách nhiệm trả OceanBank số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong trường hợp PVC-Mekong không trả được số nợ nêu trên thì OceanBank có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 8 tháng 5 năm 2017, PVC-Mekong đã gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều đã thông báo sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ vụ kiện nêu trên đến Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ để tiếp tục xét xử phúc thẩm.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định số 05/2017/QĐPT-KDTM đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ và bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST nói trên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu đã ra quyết định số 82/QĐ-CCTHADS thi hành án theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Theo đó, PVC-Mekong có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn, nếu không Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu cho PVC-Mekong đã ra Thông báo số 31/TB-CCTHADS cưỡng chế thi hành án vụ án nói trên bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Tòa nhà Bạc Liêu Tower, máy móc thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ khác nằm trên đất theo quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước, tọa lạc tại khóm 01, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ đã quá hạn thanh toán với số tiền khoảng 295 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 299 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản vay và nợ quá hạn trên vẫn có khả năng thanh toán trong tương lai.

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (*)	1.818.999.761.654	1.818.999.761.654	59.989.336.167	325.519.096.927	1.553.470.000.894	1.553.470.000.894
- Vay tại Công ty Mẹ	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các Công ty con	863.965.779.671	863.965.779.671	59.989.336.167	325.519.096.927	598.436.018.911	598.436.018.911
Nợ thuê tài chính dài hạn	28.205.849.414	28.205.849.414	73.537.225.334	35.380.026.926	66.363.847.822	66.363.847.822
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	5.629.283.203	5.629.283.203	-	3.156.701.700	2.472.581.503	2.472.581.503
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	22.576.566.211	22.576.566.211	73.537.225.334	32.223.325.226	63.890.466.319	63.890.466.319
	1.847.205.611.068	1.847.205.611.068	133.526.561.501	360.899.123.853	1.619.833.848.716	1.619.833.848.716
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.433.419.886.103				1.460.091.343.801	
Số phải trả sau 12 tháng	413.785.724.965				159.741.704.915	

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	290.547.884.021	340.811.274.021
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	220.924.327.279	191.901.937.874
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	45.820.000.000	45.820.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.002.725.391	253.994.176.370
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	18.141.082.220	31.438.391.406
	1.553.470.000.894	1.818.999.761.654

(i) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để gia hạn khoản vay nói trên.

11/01/2015

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	307.888.134.890	523.154.505.650
Khoản vay tín chấp	1.245.581.866.004	1.295.845.256.004
	1.553.470.000.894	1.818.999.761.654

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND, theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	598.436.018.911	863.965.779.671
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	955.033.981.983	955.033.981.983
	1.553.470.000.894	1.818.999.761.654

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	1.431.711.972.059	1.421.211.029.539
Trong năm thứ hai	22.809.005.675	256.843.369.912
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	49.449.023.160	86.914.877.582
Sau năm năm	49.500.000.000	54.030.484.621
	1.553.470.000.894	1.818.999.761.654
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.431.711.972.059	1.421.211.029.539
Số phải trả sau 12 tháng	121.758.028.835	397.788.732.115

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	28.379.371.742	12.208.856.564
Trong năm thứ hai	23.813.225.018	9.228.420.276
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	14.170.451.062	6.768.572.574
	66.363.047.822	28.205.849.414
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	28.379.371.742	12.208.856.564
Số phải trả sau 12 tháng	37.983.676.080	15.996.992.850

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÀU SỐ B 09-DN/HN

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lô) lũy kế VND	Chênh VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	142.499.602.785	2.162.412.232	(3.928.008.205.855)	1.123.685.998.895
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	56.651.550.025	56.651.550.025
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	12.771.445.959	-	(19.279.565.679)	(6.508.119.720)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.320.785.113	1.320.785.113
Số dư đầu năm nay (Điều chỉnh lại)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	155.271.048.744	2.162.412.232	(2.989.315.436.396)	1.175.158.214.313
Lô trong năm	-	-	-	-	-	-	(398.488.693.420)	(398.488.693.420)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.038.284.624	-	(4.038.284.624)	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	14.180.571.463	14.180.571.463
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	159.309.333.368	2.162.412.232	(3.377.661.842.977)	790.842.092.356

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận Xây lắp : xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
 Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng : kinh doanh nhà và hạ tầng;
 Bộ phận dịch vụ và khác : cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm

Tài sản	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận (Lỗ) từ công ty liên kết	11.168.181.674.756 (716.148.126.712)	1.717.706.743.381	1.283.809.145.443	(777.627.624.918)	13.392.069.938.662 (716.148.126.712)
Tổng tài sản hợp nhất					12.675.921.811.950
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	8.600.029.260.183	988.308.969.949	727.466.309.659	(127.377.633.728)	10.188.426.906.063
Tổng nợ phải trả hợp nhất					10.188.426.906.063

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm

Tài sản	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận (Lỗ) từ công ty liên kết	11.634.182.593.619 (693.885.648.454)	2.194.519.692.233	955.741.415.236	(1.191.395.544.999)	13.593.048.156.089 (693.885.648.454)
Tổng tài sản hợp nhất					12.899.162.507.635
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	8.653.747.488.494	1.217.270.039.103	426.975.023.954	(333.741.124.137)	9.964.251.427.414
Tổng nợ phải trả hợp nhất					9.964.251.427.414

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.673.485.515.975	74.818.831.820	256.651.989.824	(235.696.076.251)	3.769.260.261.368
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.737.097.690.902	72.342.519.506	237.552.186.593	(324.397.446.095)	3.722.594.950.906
Kết quả kinh doanh bộ phận	(63.612.174.927)	2.476.312.314	19.099.803.231	88.701.369.844	46.665.310.462
Chi phí không phân bổ					(403.497.321.812)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(356.832.011.350)
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(22.881.802.014)
Lợi nhuận khác					23.206.860.556
Lỗ từ hoạt động tài chính					(58.755.552.131)
Lợi nhuận trước thuế					(415.262.504.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.058.326.665)
Lợi nhuận sau thuế					(416.320.831.604)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.753.693.330.033	155.360.855.943	154.526.136.248	(911.654.521.791)	9.151.925.800.433
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	9.376.927.137.675	142.443.598.157	137.606.810.560	(855.716.855.641)	8.801.260.690.751
Kết quả kinh doanh bộ phận	376.766.192.358	12.917.257.786	16.919.325.688	(55.937.666.150)	350.665.109.682
Chi phí không phân bổ				(232.750.788.449)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					117.914.321.233
Phần (lỗ) trong công ty liên kết				(26.096.758.775)	
Lợi nhuận khác				7.163.318.703	
Lỗ từ hoạt động tài chính				(38.789.689.073)	
Lợi nhuận trước thuế					60.191.192.088
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(21.978.146.502)	
Lợi nhuận sau thuế					38.213.045.586

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Miền Bắc	2.378.846.726.691	7.218.714.651.247
Miền Trung	30.469.195.786	80.144.934.341
Miền Nam	1.595.640.415.142	2.764.720.736.636
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(235.696.076.251)	(911.654.521.791)
	<u>3.769.260.261.368</u>	<u>9.151.925.800.433</u>

31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Đơn vị</u> <u>tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.294.231	10.262.459
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	11.372.006.001	11.372.006.001

32. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Hoạt động xây lắp	3.469.954.043.920	8.879.400.119.087
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	100.360.831.820	184.952.855.943
Hoạt động dịch vụ	139.871.834.969	137.243.598.041
Hoạt động tư vấn xây dựng	1.131.970.599	3.085.987.420
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	2.463.400.094	4.026.780.630
Hoạt động khác	108.866.413.999	1.159.263.184
	<u>3.822.648.495.401</u>	<u>9.209.868.604.305</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	53.388.234.033	57.942.803.872
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>3.769.260.261.368</u>	<u>9.151.925.800.433</u>

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Hoạt động xây lắp	3.418.129.836.950	8.533.126.722.965
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	72.342.519.506	142.443.598.157
Hoạt động dịch vụ	118.788.076.536	111.663.349.200
Hoạt động tư vấn xây dựng	1.189.050.805	2.647.109.984
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	5.185.287.168	8.043.124.864
Hoạt động khác	106.960.179.941	3.336.785.581
	3.722.594.950.906	8.801.260.690.751

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Điều chỉnh lại) VND
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	29.790.263.914	23.744.999.419
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.775.855.000	615.833.619
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.406.061.243	30.388.864.694
Lãi chuyển nhượng cổ phần (i)	53.509.153.744	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.990.000	6.459.461.917
	89.483.323.901	61.209.159.649

(i) Phản ánh tiền lãi chuyển nhượng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - công ty con của Tổng Công ty) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh như trình bày tại Thuyết minh số 3.

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	108.949.594.810	147.193.219.648
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(774.492.300)	(51.599.558.167)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	36.709.409.069
(Hoàn nhập) dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh (*)	-	(99.912.312.503)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.948.399.190	64.422.751.058
Chi phí tài chính khác	31.115.374.332	3.185.339.617
	148.238.876.032	99.998.848.722

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 41, trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng và đánh giá 01 thư bảo lãnh đã có sự thay đổi nghĩa vụ bảo lãnh. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của thư bảo lãnh này với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND.

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	174.221.125.990	235.607.409.947
Chi phí vật liệu quản lý	6.250.047.194	9.709.305.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.713.399.687	21.353.067.093
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	77.303.039.303	(181.306.690.989)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.494.350.442	56.660.833.560
Chi phí bằng tiền khác	69.106.860.958	81.343.426.554
	<u>392.088.823.574</u>	<u>223.367.351.172</u>

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.322.016.463.208	4.196.739.785.520
Chi phí nhân công	635.587.780.786	757.616.295.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	118.477.796.885	117.852.301.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.900.758.214.912	3.040.880.230.156
Chi phí dự phòng	57.722.831.575	(185.136.471.430)
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	203.287.664.941	231.799.936.470
	<u>4.237.850.752.307</u>	<u>8.159.752.077.652</u>

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
- Hoạt động xây lắp	4.530.024.003	22.515.119.572
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	102.536.129	541.076.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	138.925.662	1.044.165.222
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.771.485.794</u>	<u>24.100.361.736</u>
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.713.159.129)	(2.122.215.234)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.058.326.665</u>	<u>21.978.146.502</u>

39. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	(398.488.693.420)	56.651.550.025
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(9.254.257)	(3.452.377.655)
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(398.497.947.677)	53.199.172.370
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(996)	133

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.041.292.678.177	6.792.676.097.141
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	73.837.312.671	284.429.329.247
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.903.093.760	6.757.245.558

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu		
Phải thu khách hàng là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	866.834.676.278	148.630.198.779
Phải thu khách hàng là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	74.918.176.625	111.351.931.238
Phải thu khách hàng là các công ty liên kết	240.059.262.441	243.089.994.947
Ứng trước cho các công ty liên kết	206.916.242.604	339.066.114.904
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.030.293.097	2.874.911.113
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.907.965.832	7.823.660.838
Phải thu khác các công ty liên kết	217.340.600.205	180.249.832.273
Phải thu về cho vay các công ty liên kết	402.536.498.658	402.536.498.658
Phải trả		
Phải trả người bán là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Phải trả người bán là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	130.120.741.157	118.052.965.618
Phải trả người bán là các công ty liên kết	121.687.196.265	235.714.691.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	100.391.415.199	202.767.223.619
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	3.575.001.914	29.891.422.713
Các công ty liên kết ứng trước	54.315.783.225	4.965.453.846
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	73.586.151.463	64.948.464.837
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	64.312.967.326	50.738.172.700
Phải trả khác các công ty liên kết	4.792.930.800	4.327.085.622
Các khoản vay		
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	91.488.045.681	15.200.454.922
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	220.924.327.279	191.901.937.874

100%
 CÔNG
 ÁCH
 ĐẠI
 CHỨNG
 VIỆT
 NAM

41. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh	Dư nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
			tại ngày 31/12/2017	tại ngày 31/12/2017	nợ phải trả tại ngày 31/12/2017
			VND	VND	VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			237.855.091.994	237.855.091.994	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên các báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG Công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG.

Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho OceanBank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại OceanBank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho OceanBank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của OceanBank. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2017, PVC-SG đã trả được 17,2 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.

- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntr/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa xuất hiện nghĩa vụ nợ ở thời điểm hiện tại.

- Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn" và (ii) áp dụng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính quy định "nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách". Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,9 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,99%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính hợp nhất này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện cụ thể tại Báo cáo kiểm toán số 977/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016 (như trình bày tại Thuyết minh số 35).



50
3
MH
IT
NA
TT

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh trên sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu và phải trả. Kết quả của các vụ kiện này là chưa xác định được. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ các vụ kiện này.



01/01/2017
TH
TE
M
H

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-ĐKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính mà Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN đã ký Phụ lục bổ sung số 26 điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949 triệu USD và 10.710 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Công ty mẹ Tổng Công ty là khoảng 951 triệu USD và 11.044 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,2%. Đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã hạch toán giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên và doanh thu đã ghi nhận.

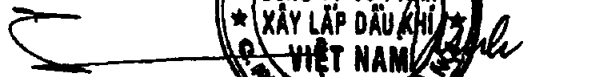
b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 -2020 và Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch tái cơ cấu PVC, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS).

Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2018